Năm thứ hai. - Số 88

Thứ tư

11 Mars 1942

tri tân

tạp chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Thân-thế và sự-nghiệp hai bà Trưng — *Tiên-Đàm*
Một bài thơ cổ về bà Trưng — *Ứng-Hoè*
Một bài văn cổ về Trưng-vương — *Nguyễn Văn-Tố*
Bình-luận và vịnh nhị Trưng — *Dương Bá-Trạc*
Sử sách ta chép về hai bà Trưng thế nào ? — *Hoa-Bằng*
Gia-đình Trưng-vương — *H. B.*
Dâng Hương miếu hát — *H. B.*
Hát-giang trường lệ (*thơ*) — *Minh-Tuyền*
Bài bia ở đền Hai Bà — *Song Cối*
Thánh-Thiên công-chúa — *Nhật-Nham*
Hai nữ tướng (*truyện ngắn*) — *S. C.*
Thơ ca xưa rày đề vịnh về Trưng-vương
Sao không cho Trưng-vương là chính-thống ? — *Nguyễn văn-Tố*

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
195, RUE DU COTON, 195
HANOI

GIÁ BÁO :

1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80

MỖI SỐ 15 XU

THÂN-THẾ và SỰ-NGHIỆP của hai Bà Trưng

Ai đến cung-chiêm đền Hai-Bà ở làng Đồng-nhân trong thành-phố Hà-nội còn thấy một bài thơ nôm, ngũ ngôn, bát cú, (1) nhắc lại công-nghiệp lẫy-lừng của hai vị nữ anh-hùng mà trong khoảng nội-thuộc Đông-Hán (Ất-dậu đến Kỷ-sửu, 25 đến 209 sau tây lịch) đã quật khởi trống với quân Tàu, đem lại cái nền chính-thống mà buổi ấy bọn nam-nhi đành chỉ bó tay :

Ngựa Gióng dã lên không (2),
Rừng Thanh voi chửa lồng (3) ;
Nảy chồi hoa nụ Lạc (4),
Mở mặt nước non Hồng (5).
Giăng tỏ gương hồ Bạc (6),
Mây tan dấu cột Đồng (7) !
Nén hương lòng cố-quốc,
Xin khấn một nhời chung...

Nhìn lại hồi Bắc-thuộc, ta sẽ nhận thấy các quan Thứ-sử, Thái-thú sang cai-trị, ngoài mấy ông Nhâm-Diên, Tích-Quang, (8), phần nhiều chỉ hằng năm vơ-vét tiền-của đem về Tàu và không chịu thực lòng khai-hóa cho dân.

Dưới triều vua Quang-Vũ nhà Hán (25 57), Tô-Định sang làm Thứ-sử Giao-châu đã dùng một chính-sách rất tàn-ác ; bọn tù-trưởng và dân-sự đều ta-oán. Muốn giữ cho yên, Tô-Định đã bắt và giết những người có dân vọng.

Năm Kỷ-hợi (39) ông Đặng-thi-Sách làm quan lệnh huyện Châu-diên muốn cứu cho nhân-dân qua vòng nước sôi, lửa nóng, có đưa thơ khuyên Tô-Định sửa đổi lại chính-trị.

Tô-Định không những không nghe, lại còn cho bắt, giết Đặng-thi-Sách là khác.

Vợ ông Thi-Sách là bà Trưng-Trắc (9) giận Tô-Định giết chồng, mới cùng em là Trưng-Nhị nổi lên. Ban đầu kén trong năm họ ở làng ấp được 27 người nữ dũng, sau thanh-thế dần to, bà Trưng tuyển thêm những tay thiện-xạ trong vùng mán mọi ; được 8 vạn binh, hai bà đóng đồn ở Châu-diên. Ngày mồng 6 tháng giêng bắt đầu khởi sự, qua ngày mồng 7, hai bà thao-diễn quân-sĩ ở bãi Trường-sa bên sông Bạch-hạc, (Vĩnh-yên), rồi tiến quân đánh thành Liên-châu là nơi phủ Đô-hộ đóng.

Tô-Định cùng các bộ-thuộc bị đánh bất ngờ, phải bỏ thành chạy sang Hải-nam rồi trốn về Tàu

Trong khi dân Giao-chỉ đáp theo tiếng gọi của chị em bà Trưng, thời các quận Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phố, cũng nổi lên đánh đuổi quan Thái-thú.

Lấy được 65 thành đất Lĩnh-nam, bà Trưng mới xưng vương, đặt tên nước là Triệu, đóng đô ở Mê-linh (Phong châu), lập cung điện ở làng Cổ-lai (10) và từ đấy không chịu nội-thuộc Đông Hán (Canh-tý, 40 sau Tây-lịch).

Vua Quang-vũ thấy thế lực của Trưng-vương mỗi ngày một lớn, sợ gây thành một mối lo ở phương nam, nên năm Nhâm-dần (42) sai Phục-ba tướng-quân là Mã-Viện đem binh sang đánh.

Mã-Viện là một danh-tướng nhà Hán, lúc ấy đã gần 70 tuổi. Vì thế, trong bài thơ miếu Phục-Ba ở Long-châu, cụ Mai-sơn có câu sau đây, đầy giọng mai-mỉa :

Quắc-thước khoe chi mình tóc bạc,
Cân - thoa đọ với gái quần hồng !

Mã-Viện họp một đạo quân 20 000 người ở gần Bắc - hải (Pakhoï), định dùng 2.000 chiếc thuyền, vượt bể sang đánh nước ta, nhưng trong khi sửa-soạn đem quân đi, thì viên thủy-sư là Toun Tchê (?) bị bệnh mất (11) ; Mã đành phải kéo quân men theo bờ bể mà tiến. Vì cách dùng binh rất khôn khéo, binh đi đến đâu, các bộ-lạc đều ra hàng hết. Binh nhà Hán mới thẳng đường kéo xuống trung-châu, rồi do triền sông Thái-bình và sông Thương kéo lên đánh kinh-đô Mê-linh.

Hai Bà đem binh trống giữ, giao chiến ở địa-phận Sơn-tây — Hà-nội. Lần này quân Tàu bị thua, phải lui về đóng ở giáp hồ Lãng-bạc.

Nhưng đến đầu năm Quý-mão (43), vua Quang-vũ giúp cho Mã-Viện thêm 50 000 viện-binh. Quân này ngầm vào Nam - bộ nước ta, hợp với binh Mã-Viện. Quân Trưng vương tiến đánh, vì quân ít, bị thua to, chết hai nhiều, phần thì tan vỡ, còn phần thì theo hai bà về giữ kinh-đô Mê-linh.

Lúc ấy, hết mùa đông, sang mùa hè, Mã-viện sợ lam-chướng, giao binh không lợi, mới đóng quân lại để dưỡng sức.

Mùa thu năm Quý-mão (43) Mã-viện sai phó tướng là Lưu - Long đem binh vây đánh Mê - linh. Nhưng vì kinh - đô ấy, núi non hiểm trở, hai bà cố-thủ ròng - rã mấy tháng giời, quân nhà Hán thật đã vất-vả vì quân Nam dùng lối du - kích. Về sau, quân Hán phải dụ quân Nam đến Cấm - khê (Sơn-tây), gần sông Đáy, mới phá tan được.

Chị em Trưng-vương thất thế, phải gieo mình xuống cửa sông Hát-giang mà tự tận.

Cấm-khê đến lúc hiểm-nghèo,
Chị em thất thế, phải liều với sông (12)

Tương - truyền hai Bà hóa thành tượng đá trôi vào địa-phận xã Đồng-nhân gần Hà - nội. Dân xã Đồng-nhân bèn lập đền thờ ở xứ Vườn-tịch trên bãi sông vào năm Đại-định thứ ba (1142) đời Lý-Anh-tôn (13). Về sau, nước sông Nhị-hà lên to, đê vỡ, đền đổ. Qua năm Tự - đức nguyên - niên (1848), phải dời đền vào thôn Hương-viên cũng thuộc làng Đồng-nhân tức là đền Hai-Bà bây giờ).

Về cái chết của chị em Trưng-vương, các sử-gia Nam Bắc đã có nhiều thuyết khác nhau :

Theo người Tàu, Mã-Viện, truyện chép :

Mã-Viện đánh thắng quân Nam, hai Bà họ Trưng tử trận, (bị chém đầu đem về Lạc - dương An-nam chí-lược của Lê - Tắc cũng theo thuyết này).

Nam-sử chép : Hai Bà tự-trầm xuống Hát - giang, thuộc - huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây vào ngày mồng 8 tháng ba năm Quý-mão, năm 43 sau Tây - lịch (14). Bà Trưng-Trắc thọ chừng 29 tuổi (?)

Và theo các bản Thần tích *: Chỉ có một mình bà Trưng - Nhị tử trận, còn bà Trưng-Trắc thì lên núi My-sơn (?) mà lên giời. Một thuyết nữa : hai Ngài thình lình biến hóa (15).*

Đứng trước những thuyết ấy và các sự dị-đoan, nhà sưu-tầm sử liệu thực đã phân - vân không biết quyết định ra sao, đành chỉ để sự ấy cho nghìn đời sau phê-phán (16).

Dù sao, sự-nghiệp oanh-liệt, khí tiết trung-trinh của hai Bà họ Trưng vẫn in sâu trong trí nhớ của dân đất Việt này.

Du-khách ngày nay mỗi khi qua Sơn-tây, theo con đê sông Hát, hỏi thăm chiêm-bái nữ anh-hùng, sẽ thấy một tòa cổ miếu (17) ẩn hiện dưới bóng cây xanh, chim hôm lác-đác bay về, giun dế tỉ-tê trong bụi, bia hoang, cây cỗi, nước biếc, trời xa, cảnh vật tiêu sơ sẽ phảng-phất như còn thấy buổi binh tàn, lực tận của nữ anh-hùng mà cái hận nghìn thu vẫn sớm chiều vơi đầy với nước Hát-giang, bảng - lảng với mây Tản-lĩnh.

Nhưng nếu trên đường về, qua sườn đê đất dốc, trèo lên bực đá gồ ghề thấy sừng-sững hai cột trụ ở cổng vào, trơ trơ đứng vững cùng thời gian với câu đối :

Đồng trụ chiết hoàn, Giao-lĩnh trĩ,
Cấm - khê doanh hạc, Hát-giang trường.

Dịch nôm

Nước Cấm đầy vơi, giòng Hát sạch.
Cột Đồng lành gẫy, núi Nam cao.

Thời cảm thấy khí thiêng bàng-bạc còn mãi với non sông Hồng-Lạc mà hai Bà đã hi-sinh để mở đường độc-lập cho Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, sau này...

TIÊN-ĐÀM

Xem tiếp trang sau

Con bà ho

Nhất là HO GÀ
để chậm ngày nào, hại trẻ ngày ấy, nên mau mau cho cháu uống

Thuốc ho gia đình

Tổng phát hành

Nhà thuốc Tuệ-Tĩnh

53, rue Auvergue VINH

Dẫn-giải và chú-thích

1· Bài thơ này được giải thưởng thứ nhất về kỳ thi văn thơ do một nhà báo Hanoi tổ-chức, hiện có khắc cúng tại đền Hai Bà.

Tác-giả là Cụ Cúc-Hương Hoàng-thúc-Hội, người làng Hạ-yên-quyết, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông đỗ cử-nhân khoa Bính-ngọ (Thành-Thái thứ 18) giữ tiết-thảo không ra làm quan, ở nhà giậy học.

2· *Ngựa Gióng* : ý nói đức thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương) về đời Hùng-vương thứ 6, sau khi đánh tan giặc Ân ở quận Vũ-ninh (Bắc-ninh) lên núi Sóc-sơn, cởi bỏ áo giáp, rồi cưỡi ngựa bay lên giời.

3· *Voi chửa lồng* : ý nói sau hai Bà Trưng mới đến bà Triệu-Âu nổi lên đánh quân Tàu.

Bà Triệu-Âu người làng Phú-điền huyện Nông-cống tỉnh Thanh-hóa, vì giận quân Tàu tàn-bạo, cùng anh là Triệu-quốc-Đạt nổi lên đánh đuổi quan Thái-thú, Bà thường cưỡi voi ra trận, quân Tàu rất sợ vẫn tôn là Lệ-hải Bà-vương.

4· Hai chị em bà Trưng là con quan Lạc-tướng, dòng-dõi Hùng-Vương.

5 Nước non Hồng : là giang sơn Hồng Lạc, chỉ nước ta.

6 *Hồ Bạc* : Hồ Lãng-Bạc ở gần Hanoi, hồ này khi trước gọi là Dâm Đàm-Hồ, đến đời Lê gọi là Tây Hồ, Đoái Hồ, và bây giờ gọi là Hồ Tây hay Tây Hồ, nơi hai Bà Trưng giao chiến với quân Tàu.

7· *Cột Đồng* : Sử chép : Sau khi đánh thắng hai Bà Trưng, Mã-Viên giồng một cái đồng trụ có khắc chữ : « Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt » (nếu cột đồng trụ này đổ thì hết giống Giao-chỉ) đến nay không ai biết dấu tích đồng trụ ở đâu, một thuyết thì cho là ở châu Hợp-phố tỉnh Quảng-Đông (sử gia Launay).

Theo *Minh-Thanh nhất thống chí*, thì ở địa-phận Lưỡng-Quảng.

Đến đời nhà Đường có quan Đô-hộ là Mã-Kỳ, cháu xa đời của Mã-Viện, sang cai-trị lại dựng một cái cột Đồng nữa để kỷ công tổ tiên và có khắc : « Đồng trụ chiết, Nam quốc diệt » (cột đồng-trụ này đổ, nước Nam sẽ mất), Tục truyền rằng : Người Nam thấy thế ghét ném đất gạch và mảnh sành vào nên lâu dần đồng trụ của Mã-Kỳ cũng không còn dấu tích. Về sau trong các công việc bang giao nước ta với nước Tầu thường có câu chuyện cho sứ sang tìm dấu-tích cột đồng-trụ.

8· Là hai quan Tầu có công đức với dân :

Nhâm-Diên giậy việc cày cấy, Tích-Quang giậy việc lễ nghĩa, cưới xin, và Sĩ-Nhiếp đem nho giáo sang gây cho dân một nền văn-hóa như Trung-quốc.

9· Bà Trưng-Trắc và em là Trưng-Nhị người xã Cổ-lai, huyện Châu-diên, quận Phong-châu (nay thuộc mấy tỉnh Phú-thọ, Vĩnh-yên, Phúc-yên), cha là quan Lạc-tướng, mẹ húy là Trần-thị-Đoan.

Năm 19 tuổi, bà Trưng-Trắc kết duyên với quan lệnh huyện Châu-diên tên là Đặng-thi-Sách. (Xem Trưng Vương lịch-sử của cụ Cúc-Hương Hoàng-thúc-Hội, nhà in Đuốc-Tuệ, năm 1937).

10· Quê-hương hai Bà.

11. Theo *Essai d'Histoire d'Annam* của Ch. Patris, nhà in Đắc-Lập, 1922, trang 116.

12· Trích ở *Đại-nam quốc sử diễn ca*. Sách này của ông Lê-ngô-Cát, làm Án-sát Cao-bằng, người làng Hương-lang, huyện Chương đức, tỉnh Hà-nội (Bây giờ là xã Hương-lang, tổng Lương-xá, huyện Chương-mỹ tỉnh Hà-đông) soạn, ông Bình-chuẩn-sứ Đặng-huy-Trứ khắc và in.

Trường Viễn-đông bác ngữ (Ecole des langues orientales) ở Paris số sách X.IX66 có một bản dịch Trượng-vĩnh-Ký dịch ra quốc-ngữ lần thứ nhất, là bản in nhà nước ở Saigon, in năm 1875 tức là năm Tự-đức thứ 27 (khảo ở Viễn-đông bác-cổ học viện).

13· Theo *Thần tích* xã Hạ-lôi và bia khắc ở đền Hai Bà cùng *Trưng-vương lịch-sử* của cụ Cúc-Hương.

14· Theo *Trưng-vương lịch-sử*, thì hai bà tự trầm ở sông Hát-giang vào ngày mồng 8 tháng ba năm Nhâm-dần (42), nhưng xét lại trong các sách sử-ký đã chép : Bà Trưng khởi sự từ năm Kỷ-hợi (39) đến năm Canh-tý (40) xưng Trưng-vương, đến năm Quý-mão (43) thì mất.

(Xem tiếp trang 23)

PHÀM NHÀ VĂN ĐỀU PHẢI ĐỌC

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Tinh-hoa linh 100 bộ kinh, chuyện cổ, rất nhiều văn-liệu, điển cố cần biết
Tựa của hai nhà kỳ-cựu trong học-giới :
Nguyễn Văn-Ngọc và Trần Trọng-Kim

Giấy thường giá	2p.80
Giấy bouffant (còn vài bộ)	3p 80
Giấy bouffant bìa vải (còn ba bộ)	5p.00
Giấy bouffant bìa gấm (còn hai bộ)	10p.00

Thư-từ ngân-phiếu đề cho

M. LÊ VĂN-HOÈ giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* **HANOI**

SỬ, SÁCH TA XƯA CHÉP VỀ HAI BÀ TRƯNG THẾ NÀO?

HOA-BẰNG

VỀ việc hai bà Trưng-Trắc, Trưng-Nhị, sử sách ta xưa chép đến cũng nhiều, song phần nhiều chép bằng chữ hán cả.

Để giúp các bạn trẻ tiện bề kê-cứu và so-sánh, tôi xin hiến ít tài-liệu sau đây:

Trong *Lĩnh-Nam trích quái* là cuốn truyện rất cổ của ta chép rằng:

« *Xét quốc-sử: Hai bà Trưng, họ Hùng (?), chị tên là Trắc, em tên là Nhị, người Mi-linh thuộc Phong-châu, là con gái Lạc-tướng ở Giao-châu.*

« *Kết duyên với Thi-Sách ở Chu-diên (1), Trắc có sức khỏe và biết cầm nắm, quyết đoán mọi việc.*

« *Bấy giờ Giao châu thứ-sử là Tô-Định tham-lam và tàn bạo; người trong châu khổ-sở về hắn. Bà chị giận, đốc-suất bà em cất quân đánh hãm Giao-châu. Đến cả các quận Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố đều hưởng-ứng. Bà lược định được 65 thành (2) ở Lĩnh-nam, tự lập làm vua đất Việt, bấy giờ mới xưng là họ Trưng, đóng đô ở Ô-diên thành (?).*

« *Tô-Định phải chạy về Nam-hải. Vua Quang-Vũ nhà Hán nghe biết việc đó, bèn biếm-truất Tô-Định, sai các tướng Mã-Viện và Lưu-Long (3) đem đại quân sang đánh, kéo đến Lạng-sơn. Chị em bà Trưng kháng chiến đến hơn năm. Sau hai bà thấy binh-lực Mã-Viện cường thịnh, e không chống nổi, bèn lui giữ Cấm-khê (4).*

« *Quân-lính tan chạy. Hai bà, thế côi, phải chết ở vòng trận. Hoặc nói: lên Hi-sơn rồi không biết đi đâu. Người trong châu thương-xót, lập đền ở cửa sông Hát để thờ phụng hai bà...* »

(Dưới lược...) — Dịch theo nguyên-văn chữ hán trong *Nhị Trưng phu-nhân truyện ở Lĩnh-nam trích quái.*

Khâm định Việt-sử thông giám cương-mục, là một bộ sử do Quốc-sử quán triều Nguyễn tham bác kê-cứu các sử sách cũ mà tập đại thành, cũng chép nhiều về việc hai bà Trưng.

Trước khi giới-thiệu đoạn sử ấy, tôi xin nói sơ về thể-tài *cương* và *mục* ở trong pho sử này:

Cứ nghĩa đen thì *cương* là *giây cái lưới*; *mục* là *mắt lưới*. Khi kéo giây cái thì các mắt đều mở ra. Phàm những lời ở chỗ *cương* tức như là bài chính văn; còn những lời ở chỗ *mục* thì như là những bài nói thêm cho rõ ý và đầy đủ. Trong pho sử này, những chỗ *cương* ở trên thì nêu cái đại-sự, những chỗ *mục* ở dưới thì nhắc lại cho rõ hơn, lại nói thêm chi-tiết và chú-giải hoặc phụ lời *án*. Vì thế mới gọi là *sử cương mục*.

Về việc bà Trưng, pho sử ấy chép rằng:

« *Năm Giáp-ngọ, (34) niên-hiệu Hán Kiến-võ thứ mười, nhà Hán cho Tô-Định làm thái-thú Giao-chỉ* ».

« *Tháng hai mùa xuân, năm Canh-tí (40), niên-hiệu Hán Kiến-võ thứ mười sáu, gái Giao-chỉ là Trưng-Trắc dấy binh đánh đuổi thái-thú Tô-Định, tự lập làm vua* ».

Đó là những lời nêu trên *cương*. Đến chỗ *mục* ở dưới thì thêm:

« *Vua vốn họ Lạc, lại có họ khác nữa là Trưng, là con gái Lạc-tướng huyện Mi-linh thuộc Giao-chỉ và là vợ Thi-Sách huyện Chu-diên.*

« *Vua rất hàng-dũng. Bấy giờ thái thú Tô-Định cai-trị tham-lam tàn-bạo, giết chồng của vua. Vua bèn cùng em gái là Trưng-Nhị cất quân đánh hãm chốn châu-trị. Tô-Định phải chạy về Nam-hải.*

« *Vua trảy đến đâu, gió lướt đến đấy: các quận Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phố và Mán mọi đều ứng theo. Lược định được 65 thành ở Lĩnh-nam, ngài tự lập làm vua, đóng đô ở Mi-linh.*

« *Thứ-sử và các thái-thú ở Giao-chỉ chỉ còn giữ mình được thôi* ».

« *Tháng mười hai, mùa đông năm Tân-sửu (41), niên-hiệu Hán Kiến-võ thứ mười bảy, Hán phong Mã-Viện làm Phục-ba tướng quân, Lưu-Long làm phó, đốc-suất bọn Lâu thuyền tướng-quân là Đoàn-Chí sang đánh* ». (*Lời cương*):

« *Hán thấy họ Trưng xưng vương, cất quân đánh hãm thành ấp, làm cho biên-quận phải khổ, bèn sai Trường-sa (5), Hợp-phố và Giao chỉ sắm xe, thuyền, sửa cầu, đường, thông khe-lạch ngăn-cách, chứa lương, tích thóc, phong Mã-Viện làm Phục-ba tướng-quân, Phù-lạc hầu Lưu-Long làm phó-nhị, đốc-suất bọn Lâu-thuyền tướng-quân là Đoàn Chí sang đánh.* » (*Lời mục*).

« *Tháng ba mùa xuân, năm Nhâm-dần (42), niên-hiệu Hán Kiến-võ thứ mười tám, quân Mã-Viện đến hồ Lãng-bạc, đánh nhau với bà Trưng-Trắc và phá vỡ được. Bà Trưng phải lui giữ Cấm-khê* » (*Lời cương*).

« *Mã-Viện men biển mà tiến lên, vượt qua núi nào ở đâu thì đốn cây mở đường đi ở đó. Đi hơn nghìn dặm, Viện trảy tới Lãng-bạc, đánh với Trưng-vương. Vua Trưng thấy thế quân Hán cường-thịnh, tự đắn-đo rằng quân mình là tuồng ô-hợp, không chống nổi. Quân lính cũng*

cho vua là đàn-bà, không địch được với Hán, bèn tự tan vỡ ! » (*Lời mục*).

(Dưới lược).

«*Tháng giêng, mùa xuân năm Quí-mão (43), niên-hiệu Hán Kiến-võ thứ mười chín, Trưng-Trắc cùng em gái là Nhị chống đánh với quân Hán, thua mất !* » (*Lời cương*).

« *Trưng nữ-vương cùng em gái là Nhị cự chiến với binh Hán, quân vỡ, thế cô, đều phải sụt đồ và chết mất ! Mã-Viện đuổi đánh những quân còn lại của hai bà là bọn Đô-Dương. Đến huyện Cư-phong (6) thì hàng được họ. Viện bèn lập cột đồng làm mốc cùng-cực của nhà Hán. Sau, Viện về. Người trong đất nước thương cảm vua Trưng, dựng đền lên thờ* ». (Lời mục).

(Dưới lược).

— Dịch theo nguyên văn chữ hán trong *K. Đ. V. S. T. G. C. M.*, quyển II, từ tờ 9 b đến tờ 12 a.

Ngoài những trang sử dịch trên, còn có những chỗ khác như *Đại Việt sử-ký*, *Đại-Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử tổng luận* và *Ngự chế việt sử tổng vịnh tập* (chỗ phụ *Trưng nữ vương* trong mục *đế vương* ở quyển nhất), v. v. đều chép na-ná giống thế cả.

Trong *Đại Nam quốc-sử diễn-ca*, ngoài 8 giòng chữ hán nêu ở trên, có những lời kỷ-thuật bằng văn nôm về việc hai bà Trưng như vầy :

« *Bà Trưng quê ở châu Phong,*
« *Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên.*
« *Chị em nặng một lời nguyền,*
« *Phất cờ nương-tử thay quyền tướng-quân.*
« *Ngàn tây nổi áng phong trần :*
« *Ầm-ầm binh-mã xuống gần Long-biên !*
« *Hồng-quần nhẹ bước chinh yên,*
« *Đuổi ngay Tô-Định, dẹp tan biên-thành.*
« *Đô-kỳ đóng cõi Mi-linh,*
« *Lĩnh-Nam riêng một triều-đình nước ta.*
« *Ba thu gánh vác sơn hà,*
« *Một là báo-phục, hai là bá-vương.*
« *Oai-thanh động đến Bắc-phương.*
« *Hán sai Mã-Viện lên đường tiến công,*
« *Hồ Tây đua sức vẫy-vùng :*
« *Nữ-nhi chống với anh-hùng được nao (7) !*
« *Cấm-khê đến lúc hiểm-nghèo,*
« *Chị em thất thế, phải liều mấy sông !* »

— Phiên âm theo bản chữ nôm của Tri-trung đường xuất bản mùa hạ năm Canh-ngọ, niên hiệu Tự-Đức thứ hai mươi ba (1871).

Sở-dĩ trưng-dẫn và phiên-dịch những trang sử cũ ra đó, tôi có ý muốn đưa các bạn trẻ đi đến tận nguồn gốc truyện Nhị Trưng để có thể do đó mà kê-cứu hay bàn-luận về hai bà được. Vì gần đây, phần đông thanh-niên chỉ căn-cứ vào một hai cuốn sử viết bằng quốc-ngữ mà nói về hai vị nữ anh-hùng không tiền tuyệt hậu của nước ta thì cũng chưa đủ.

Sau khi đã biết qua sự-tích hai đức Trưng rồi, ta cũng thử nên xem lại những lời cổ-nhân đã phê-bình về hai trang nữ kiệt ấy ra sao :

« *Trưng nữ vương vị phu phục thù, dữ muội khởi binh, nhất cử nhi lược định lục thập ngũ thành, tự lập vi vương : cái diệc nữ lưu chi anh-kiệt dã* ».

— *việt-sử lịch-đại tổng luận* của Tập-hiền viện.

DỊCH

« ...Vua Trưng vì chồng trả thù, cùng em dấy quân, làm một trận mà lược định được 65 thành, tự lập làm vua : ấy cũng là bậc anh-kiệt trong đám nữ lưu vậy ».

Khi đọc *Khâm định Việt-sử thông giám cương-mục*, quyển II, tờ 12a, xin đừng bỏ sót mấy giòng « ngự phê » của Dực-tông Anh hoàng-đế :

« *Nhị Trưng dĩ quần thoa chi lưu, nãi năng hùng tâm, nghĩa cử, chấn động Hán đình. Tuy thế nhược, thời quai, diệc túc dĩ hưng khởi nhân tâm, lưu huy sử sách. Bỉ tu mi nam tử nhi liễm nhẫm, sự nhân, bất diệc hậu nhan, qui tử hồ ?* »

DỊCH

« Hai bà Trưng là khách quần-thoa, thế mà lòng hăng, việc nghĩa, còn làm rung-động được triều-đình nhà Hán ! Dẫu thế lực yếu, thời vận ngửa ngang, cũng đủ dấy-dức lòng người, rỡ ràng sử sách. Những kẻ nam nhi hồi ấy râu mày thế kia mà phải khép nép vạt áo, khúm núm thờ người Hán, chẳng cũng mặt dày, thẹn chết lắm ru ? »

∴

Bài này, tôi chỉ đứng về phương diện giới thiệu, giới thiệu những trang sử, sách xưa đã viết về hai bà Trưng, giới thiệu những lời các cụ ngày trước đã phê bình về hai vị nữ anh hùng cái thế.

Sau khi đã làm đầy đủ việc ấy, tôi chỉ xin thêm : Người xưa đã nói trước chúng ta những điều chúng ta muốn nói.

HOA-BẰNG

---

1. Nay là phủ Vĩnh-tường.

2 Về vấn đề sáu mươi nhăm thành này, sử thần Ngô sĩ-Liên cho rằng đó là sử cũ của ta chép theo cái lầm của Hán-sử, chứ thực ra chỉ có năm mươi sáu thành thôi.

3. Theo *Hậu-Hán thư*, *Lưu-Long truyện*, thì Long làm trung-lang-tướng, giúp Mã Viện đánh Giao-chỉ. Riêng Long phá vỡ được quân của đức Trưng-Vương ở Cấm-khê.

4. Thuộc địa hạt Vĩnh tường.

5. Đất Trường sa ở đời Hán bao-gồm cả tỉnh Hồ-nam của Tàu bây giờ.

6 Nay thuộc tỉnh Thanh-hóa.

7. Câu này rất không đắc thể, vì hạ bên nữ anh-hùng của ta mà tôn bên Mã-Viện của Tàu quá !

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi
◆
Đã có bán
Mẹo chữ Hán
một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem
Giá 0$35 cước 0$06
Gửi bằng tem (cò) cũng được. không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

Gia-đình Trưng-Vương

GIA-ĐÌNH Trưng-vương là một gia-đình kỳ-kiệt khác thường. Có thể nói : bao can-đảm, bao nghị-lực, bao nhiệt-thành, bao tinh-thần mãnh-liệt của dân-tộc Việt-nam hồi đó đều kết-tinh ở cả một nhà ấy.

Không kể cha là một Lạc-tướng của Hùng-vương, (hoặc Lạc-vương), còn từ mẹ đến em gái và chồng của Trưng-vương, mỗi người đều đóng một vai rất quan-trọng ở thời-cục bấy giờ, đều có những thủ đoạn xoay-chuyển được thời-thế, đều dự một phần vào cuộc tái tạo non sông Hồng Lạc và đều để lại được những trang lịch-sử hiển-hách phi thường.

Vậy, để giới-thiệu với các bạn, tôi xin lần-lượt thuật tiểu-truyện của vài nhân-vật trong gia-đình Trưng-vương :

Mẹ

Mẹ của Trưng-vương là Man-Thiện, sau được tôn làm hoàng-thái-hậu, nên người ta thường kêu là Man hoàng thái-hậu.

Bà Man-Thiện là cháu ngoại nhà Hùng-vương, đẹp duyên với một Lạc-tướng triều Hùng. Nửa chừng đứt gánh, chiếc bóng quạnh hiu, nhưng vẫn vui việc bổn-phận, bà gây-dựng cho hai con là Trưng Trắc và Trưng-Nhị được đến trưởng thành.

Sức-vóc mạnh-lớn, lại có tài lược thao và rộng độ-lượng, bà lanh trí trong khi đối-phó với mọi việc thình-lình xảy đến và đủ tư-cách để xử-trí những việc khó-khăn.

Không thể chịu được những chính-sự tham bạo tàn khốc của thái-thú Tô Định, bà theo tiếng gọi của thời-thế, đứng làm đại-biểu cho toàn thể bộ Giao-chỉ trước cái khuynh-hướng muốn chống lại văn-hóa Trung-quốc bấy giờ Giúp đỡ ở bên bà, có hai con gái là Trưng-Trắc, Trưng-Nhị và rể là Thi-Sách.

Đồng chí bấy giờ có người ở Đông-sàng, người ở Liên-chiểu, người ở Phù-sa, họ đem nữ binh đến đứng dưới bóng cờ của bà, chịu quyền điều-khiển.

Chia binh-mã do bà đã chiêu-tập trước và tân binh mới đến từ các nơi làm tả hữu hai đội, tất cả được 2.000 người. Ấy còn chưa kể đội quân của Thi-Sách mộ riêng, hưởng-ứng với bà làm thế ỷ giốc.

Sau khi bài hịch của bà đã tràn ảnh-hưởng đến các động, các huyện, các châu, các quận rồi, thì các quan lang, các phụ-đạo, các hào-kiệt các nơi đều kéo binh đến hội. Quân-sĩ bấy giờ đã lên đến con số đáng kể ; độ trên sáu vạn người. Bến Nam-nguyễn là chỗ đong đồn, có thể kể như nơi đại bản-doanh vậy.

Vừa mới xuất quân, đám mây đen buồn đã kéo đến phủ nơi nhung-mạc: Tướng tinh Thi-Sách ở Chu-diên đã tắt bóng trong cảnh đau buồn !

Tức thì Trưng-Trắc lên thay bà, cầm binh quyền, kéo quân thẳng tiến đến Giao-chỉ, đánh châu-trị, thắng Tô-Định luôn mấy trận. Định phải nheo-nhóc, lếch-thếch chạy trốn về Tàu !

Cuộc khôi phục đã thành công, Man hoàng-thái-hậu cùng các con được ngắm bông hoa độc-lập, không khỏi cảm-động trước tấm lòng sốt sắng của nhân dân ở sáu mươi nhăm thành !

Ba năm qua.

Sau hơn 12 tháng quân ta hăng-hái kháng-chiến với ba mươi vạn binh của Mã Viện nhà Hán, hai bà Trưng phải thua vì quân ít, lương-thực thiếu và viện-binh lại không !

Hay tin chẳng lành ấy, Man hoàng-thái-hậu, bấy giờ đang đóng ở Mi-linh, liền thu-nhặt quân tàn ở quận Phúc-lộc và các quận khác, định kéo lên cứu-ứng cho Trưng-vương, nhưng bị quân Hán theo đánh tập hậu, nên bà phải tìm cái « thác trong » ở lòng trường-giang (mồng mười tháng chạp).

Hiện nay làng Nam-an, tức Nam-nguyễn được đổi tên lại, có đền thờ bà. *Mả Dạ* ở làng ấy tức là nơi an-nghỉ nghìn thu của nữ anh-hùng Man-Thiện. (Bà gieo mình xuống sông chết, sau người ta vớt được ngọc-thể lên, chôn cất ở chỗ lăng gọi là *Mả Dạ*) (1)

Em gái

Trong nhiều bài ở số báo này tuy đã nói đến bà Trưng-Nhị là em gái Trưng-vương, nhưng vì chỗ nào bà cũng ở vào địa-vị phó-nhị, nên đây, ta nên dành lấy một chỗ danh-dự để phần bà.

Tại sao đặt tên là Nhị ? Theo mục *khảo-dị* ở phần chữ hán trong cuốn *Trưng-vương lịch-sử* của Cúc-Hương Hoàng tiên-sinh, thì chính thực tên bà là Nhi, chứ không phải Nhị. Vì trong *Thần-tích* ở làng Lâu-thượng, huyện Bạch-hạc, tỉnh Phú-thọ có nói rằng nhà bà làm nghề chăn tằm

quen gọi cái kén dày là *kén chắc*, kén mỏng là *kén nhi*, nên khi hai bà Trưng sinh ra, nhà bèn ứng dụng ngay hai tiếng thuật-ngữ ấy mà đặt tên chị là *Chắc* (2) và em là *Nhi* (*T. V. L. S.* trang 24-25).

Lại theo bản *Thần-tích* của làng Hạ-lôi (xưa là Cổ-lai), phủ Yên-lãng, tỉnh Phúc-yên, thì bà với bà Trưng-Trắc là hai chị em sinh đôi (sinh ngày mồng một, tháng tám, năm Giáp-tuất).

Khi bà Trưng-Trắc tuyên thệ bốn điều trước lúc xuất quân đánh Tô-Định, có điều thứ tư rằng: « Thề hễ ai có công to thì gả em là Trưng-Nhị cho » (3). Tỏ ra hai bà thật đã quyết chí hi-sinh hết thảy ngay từ khi mới ghé vai gánh việc quốc-gia.

Giúp chị trong công-việc binh cơ, tướng lược, bà Nhị đi chiêu dụ được đảng bà Nguyễn Đào-Nương, đảng ông Cao-Doãn và đảng ông Trương-Quán, đều là những đảng nghĩa-binh ở đương thời.

Nhờ thế, quân thanh của chị em bà ngày một mạnh-mẽ và lừng-lẫy thêm lên.

Bấy giờ đã có hơn ba vạn nam nữ chiến sĩ đứng bên cờ nghĩa.

Rồi các quận Nhật-nam, Cửu-chân, Hợp-phố đều hưởng-ứng theo. Bà cùng chị cưỡi voi, xông pha tên đạn, đánh đuổi được Tô Định, hạ được châu-trị Giao-chỉ, lược định được 65 thành.

Bà là người, tài cao, chí lớn, lập được nhiều công-lao trong cuộc khôi-phục nước Văn-lang.

Mặc dầu bà cùng chị và các chiến-sĩ nam nữ kháng-chiến một cách can-đảm và anh-dũng đến đâu, cũng không thể lấy ít địch nhiều, nên trước sức tiến-công của 30 vạn quân Mã-Viện, bà cùng chị phải rút lui về Cấm-khê.

Ngày nay hễ nói đến sự nghiệp Trưng-vương, người ta không bao giờ quên nhắc tới lịch-sử vẻ-vang của Bình-khối công-chúa (4) Trưng Nhị, người cùng chị đã gieo mình xuống sông Hát, chết vì nghĩa-vụ, vì lý-tưởng, vì quốc gia..!

Chồng

Chẳng nói, ai cũng rõ chồng bà Trưng vương là Thi-Sách, người huyện Chu diên.

Trong cuộc khởi nghĩa đánh Tô Định, chính Thi Sách là một tay trọng yếu và đã mộ được một đội quân để hưởng ứng với bà nhạc là Man-Thiện như đã nói ở trên.

Đứng trước ngọn lửa tàn bạo của thái thú Giao-chỉ bấy giờ, Thi Sách muốn hãy đi đường ôn-hòa trước đã, nên mới dùng từ-lệnh hòng khuyên Tô Định sửa đổi chính sự bằng những lời tâm huyết sau đây:

« Loát nhĩ Nam-phương, ức vạn sinh-linh diệc giai Triều-đình sích-tử. Thừa lưu, tuyên hóa, tất dĩ ái dân vi tiên.

« Tử kim vi chính, trung ngôn, gia mưu gia kiến tội, bôn tẩu, thừa thuận giả kiến thưởng, cơ-thiếp đắc dĩ lộng chính, biền-bế đắc dĩ thiện quyền! Tuy ái dân chi thuyết vô thời vô chi, nhi tồn hạ chi tâm dũ nhật dũ liệt! Tuấn dân cao dĩ phong kỳ tài, kiệt dân lực dĩ cung kỳ dục! Tự thị phú cường, lẫm hữu thái-a chi thế; bất trị khuynh-bại, thì như triêu lộ chi ngưu!

« Như bất tế chi dĩ khoan, tắc nguy vong lập chi hĩ! » — Trích trong *Trưng-vương lịch-sử* (5) trang 6-7.

Dịch

« Phương nam tuy nhỏ mọn, nhưng ức-vạn sinh-linh cũng là con đỏ của Triều-đình cả. Kẻ đi tuyên-dương đức hóa, cốt phải lấy việc yêu dân làm đầu.

« Ngươi nay làm việc chính-trị, bắt tội người nói thẳng, bày mưu hay, thưởng kẻ luồn lọt bợ-đỡ, cho hầu gái được nhúng vào chính sự, cho nịnh thần được chuyên quyền. Lúc nào cũng bô bô nói chuyện thương dân, thế mà tấm lòng bóc-lột kẻ dưới càng ngày càng dữ! Rán mỡ dân để làm giàu, rút sức dân để thỏa lòng dục! Cậy mình mạnh thế như gươm thái-a sắc-bén, nào biết cơ mình nguy-ngập như giọt sương sớm dễ tan!

« Nếu không sửa đổi, làm theo rộng-rãi, thì sẽ nguy vong đến nơi đây! »

Nhưng vô hiệu! Thư ấy, đối với Tô-Định, chỉ như một bức tối-hậu-thư! Vì vậy, Thi-Sách cùng với hai bà Trưng và bà Man-Thiện phải dùng đến thủ-đoạn võ-trang khởi nghĩa.

Khi đóng quân ở Chu-diên, ông bày trận sơ lược, bị quân Tô-Định kéo đến đánh phá, rồi giết mất!

Ông dâng trọn mình làm hi-sinh trên bàn thờ quốc-gia, trút lại trách nhậm thù nhà, hờn nước xuống hai vai bà vợ: Trưng-Trắc!

(Tham khảo các sách: *Man hoàng-thái-hậu thần-tích, Nhị Trưng thần tích, Trưng-vương lịch-sử* của Cúc Hương Hoàng tiên-sinh in năm 1937, *Nam-quốc nữ lưu* trang 1-8, của ông Sở-Cuồng in năm 1929). HOA-BẰNG

1) Theo trong *Trưng-vương lịch-sử* của Hoàng Cúc-Hương tiên sinh, thì mẹ của bà Trưng họ Trần, húy Đoan.

2) Chữ « Chắc » viết *ch* này là theo tiếng nam ta, nghĩa là *chắc nịch, không lép*. Còn chữ « Trắc » viết *tr* là theo chữ « trắc » trong hán-văn, nghĩa là *nghiêng*, là *bên cạnh*...

3) Còn ba điều thề nữa là: *thề khôi phục nghiệp lớn nhà Hàng, thề gả thà cho Thi-Sách; thề giết cho kỳ được Tô-Định.*

4) Tước hiệu do Trưng-vương phong cho bà khi lên làm vua.

5) Trong sách này chép Thi-Sách họ Đặng làm huyện-lệnh ở Chu-diên.

SAO KHÔNG CHO TRƯNG-VƯƠNG LÀ CHÍNH-THỐNG?

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

TỪ xưa đến nay, những quyển niên-biểu chép các đời vua chúa nước ta đều chép cả chính-thống lẫn tiếm-ngụy, như Lê với Mạc, nhưng lại gác bỏ bà Trưng ra ngoài : bà làm vua từ năm 40 đến năm 43, mà không có một quyển niên-biểu nào chép tới ! Xem như quyển niên-biểu của Trường Bác-cổ *(Tableau chronologique des dynasties annamites* của ông L. Cadière đăng trong quyển thứ V, trang 77-145), chỉ thấy chép đời Hồng-bàng từ năm 2879 đến năm 258 trước kỷ-nguyên, đời nhà Thục từ năm 257 đến năm 208, nhà Triệu từ năm 207 đến năm 111, rồi chép đến thời Bắc-thuộc từ năm 111 trước kỷ-nguyên đến năm 543 sau kỷ-nguyên (tức là gồm cả Trưng-vương), sau chép đến nhà Tiền-Lý (544-548) và thời tự-chủ, chứ không thấy chép chi đến bà Trưng.

Tại sao vậy ?

Tại sử Tàu chép bà « làm phản » (*Hậu-Hán thư*, quyển nhất B, tờ 5 b) mà sử ta thì nói rằng : « Xét từ đời Hùng-Lạc về sau, quốc-thống mất đã lâu, đến đây (là năm 40) bà Trưng tự-lập, sử cũ vội cho là chính-thống ; nhưng xét ra họ Trưng dựng nước trước sau có ba năm, vọt nổi lên lại mất ngay, như thế chưa có thể gọi là nước được (!) ; bởi vậy theo lối chép sử liệt quốc, chua niên-hiệu bà vào bên phải, trên niên-hiệu nhà Hán ».

Lời bàn vô-lý ấy là lời của sử-thần Ngô-thời-Sĩ viết bằng chữ nho trong bộ *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (ngoại kỷ, quyển thứ ba, tờ 4 a) khoảng năm 1775. Nhưng có những nhà sử-thần bàn xác-đáng hơn, như ông Lê-văn-Hưu và ông Nguyễn-Nghiễm.

Ông Lê-văn-Hưu, về đời vua Trần-Thái-Tôn (1225-1258), nói rằng : « Bà Trắc và bà Nhị là người đàn-bà, hô lên một tiếng mà quận Cửu-chân, quận Nhật-nam, quận Hợp-phố và 56 (chứ không phải 65) thành ở Lĩnh-ngoại đều hưởng-ứng hết, dựng nước, xưng vương, dễ như dở bàn tay ; thế mới biết hình-thế nước Việt ta đủ làm nổi nghiệp bá-vương. Tiếc rằng từ sau khi họ Triệu mất (năm 111 trước kỷ-nguyên) đến trước khi họ Ngô (năm 939 sau kỷ-nguyên) dấy lên, hơn một nghìn năm, bọn con giai chỉ cúi đầu bó tay, làm tôi-tớ người Tàu, không biết xấu - hổ với hai bà Trưng là người con gái. Ôi ! thế là mình tự-khí lấy mình vậy ! » (*Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, ngoại-kỷ, quyển ba, tờ 6 a).

Ông Nguyễn-Nghiễm làm quốc-sử tổng-tài hồi Lê Long-đức (1732-1735) và Lê-Vĩnh-Hựu (1735-1740) bàn rằng : « Xét từ khi Nghiệt-Cù (vợ Triệu Minh-vương) gây nạn, Nguyên-đỉnh (niên-hiệu nhà Hán) cùng binh, bảy quận Kiều-nam bị người sai khiến : các quan sô-mục, trừ hai ông Tích - Quang, Nhâm - Diên ra ngoài, còn Thạch - Đái, Chu-Chương, không có chính-sách gì hay, lòng lại tham, chính lại dữ, dân không chịu nổi, như Tô-Định há lại để cho một ngày mặc ý làm càn ư ! Trưng-vương là dòng-dõi thần-minh, nhân lòng dân ta-oan, bà nổi cơn giận, khuyến-khích đồng-cừu : nghĩa-binh tới đâu, xa gần đều ứng ; đất Lĩnh-ngoại 65 thành, thu-phục trong một lúc ; những dân bị rầy-vò khổ-sở đã lâu, ví như ở dưới giếng sâu, nay được thấy mặt giời, anh-hùng khí-khái, hẳn có hơn người. Tuy là quân mới họp tập, nên không thành công, song cũng có thể hả được cái lòng giận của giời, đất, thần, nhân, hoặc có cảm chăng. Họ Triệu là cơ-nghiệp phú-cường, mất về một tay người đàn-bà ở Hàm-đan (là Cù-hậu) ; Thần-châu bị người lấn mất, khôi-phục được lại là một bà nữ-chủ ở Mê-linh. Những người tu-mi nam-tử hồi bấy giờ cúi đầu quắp đuôi, không dám làm gì, chẳng cũng đáng ngậm - ngùi lắm thay ! » (*Đại-Việt sử-ký tiền biên*, ngoại kỷ, quyển ba, tờ 6 a-b).

Vua Tự-đức (1848 1883) cũng phê một câu na-ná như thế trong bộ *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* (tiền biên, quyển thứ hai, tờ 12 a). Lời ngự-phê dịch ra như sau này : « Hai bà Trưng là bọn quần-thoa, mà có lòng

xem tiếp trang 16

Các bạn cầu may !
bỏ 1 đồng
mua vé số
Đông - Pháp
biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

MỘT BÀI THƠ CỔ VỀ BÀ TRƯNG

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

NHÂN hội đền hai Bà Trưng ở làng Đồng-nhân (Ha-nội), vào mồng năm tháng hai, tôi sao lại một bài thơ soạn vào cuối đời nhà Lê, khoảng năm 1787-1800, để kỷ-niệm hai đấng liệt-nữ đã dựng cờ độc-lập, trước nhất ở đất Lĩnh-nam, là đất nước ta ngày xưa. Bài thơ này lấy trong quyển *Thiên-Nam ngữ-lục ngoại-kỷ* của Trường Bác-cổ (số AB 478 từ tờ 24 a). Sách viết bằng chữ nôm (dưới có một đoạn chữ nho) thuật truyện từ đời Kinh-dương vương đến năm Chiêu-thống đinh-mùi (1787) tất cả 134 tờ, giấy khổ trung, chữ viết nhỏ.

Nội những bài thơ nói về Bà Trưng, có lẽ không bài nào dài bằng bài này ; dài mà thôi, chứ không xuất-sắc gì : lắm câu lại xuất-vận ! Tuy vậy, cũng nên in ra quốc-ngữ để giữ lấy một ít tài-liệu về cổ-ngữ và sử-học. Riêng về sự-tích Bà Trưng có những vấn-đề sau này chưa giải-quyết :

1. — Quyển *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (9. 3, tờ 4 b) và quyển *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* (tiền biên 9. 2, tờ 10 a) chép Tô-Định « chính-sách tham-độc, giết chồng bà ». Một giáo-sư Pháp tên là Henri Maspero viết trong tập kỷ-yếu Trường Bác-cổ (9. XVIII, số 3, trang 13) rằng « bà rủ chồng bà » đi đánh Tô-Định (entraînant son mari). Đằng nào phải ?

2. — Bà lấy lại được 65 thành hay 56 thành ? *Đại-Việt sử-ký* lúc thì chép là 6 thành (9 3, tờ 4 b), lúc thì chép là 65 (9. 3, tờ 6 a). *Việt-sử cương-mục* (9. 2, tờ 10 a) cũng chép 65 thành.

3 — Lãng-bạc nay là Hồ Tây ở Hà-nội hay Tiên-du ở Bắc-ninh ? *Việt-sử cương-mục* (9. 2, tờ 11 a) chua « Lãng-bạc có một tên nữa là Dâm-đàm, ở phía tây con đường tây thành Đại-la ; đời Lê đổi tên là Tây-hồ, nay là Hồ Tây tỉnh Hà-nội » *Thủy kinh chú* (9 37, tờ 7 b) lại cho là vùng Tiên-du (xem bài *L'expédition de Ma Yuan* của ông H. Maspero trong *Bulletin de l'Ecole française de d'Extrême-Orient*, 9. XVIII, số 3, trang 16 và 17).

Còn nhiều việc nữa, nhưng trong bài thơ ở tập *Thiên-Nam ngữ-lục ngoại-kỷ* chép khác hẳn

Dù thế nào chăng nữa, đối với những việc đã cách đây hơn 1.900 năm, nên đem các tài-liệu ra nghiên-cứu lại ; bởi thế tôi sao lại đoạn dã-sử này để độc-giả so-sánh với những sách của các sử-thần.

I. — Bắc-biên ngoài cõi Chu-diên,
Võ-giàng huyện ấy sinh nên một người,
Tên là Thi-Sách có tài,
Dòng-dõi đời nhà con cháu Hùng-vương,
Trọn thời lễ nghĩa cương thường,
Chúng muốn suy-phục mở-mang nghề nhà.
Còn lo Tô-Định gian-tà,
Đãi cơ chưa dám hở ra sự tình.
II. — Đồn rằng trên quận Mê-linh,
Họ Trưng dòng-dõi trổ sinh đôi nàng.
Phong tư khác thói tầm-thường,
Tóc mây lưng tuyết hơi hương da ngà.
Bướm ong chưa dám gần hoa,
Trắc là chị cả, Nhị là em hai.
Gồm no văn vũ mọi tài,
Bề trong thao lược, bề ngoài cung tên.
Một trăm sắm sửa trọn nghìn,
Mười tám dòng truyền võ nghệ lầu thông.
Trọn bề nhan sắc má hồng,
Mĩ-miều đã lọt trăm vòng Hằng-nga.
Dòng nhà Lạc-tướng sinh ra,
Tuổi vừa đôi tám còn hòa thiếu đôi.
Muôn vàn điệp-sứ ong-môi,
Chọn chẳng được người kế tuyệt phù ngụy,
Tơ hồng còn lẻ chưa xe,

Còn giăng gác núi, còn hoa bên cành.
Giận thằng Tô-Định gian-manh!
Khỏi rừng hùm dẫu cậy mình mạnh chi!
Ngậm hèn phải phận nữ-nhi,
Lu-lê ai kẻ khẳng vì nghe theo?
Vật gì giống bọ đầu trâu,
Vẫy tai một phút lầu-lầu quét thanh!
III. — Sách cho mối-ước đến trình,
Dẫn dòng Lạc-tướng bày tình ông cha.
Rắp mong gây dựng nghiệp nhà,
Hiềm trong chủ-quĩ chưa hòa có ai.
Tình-cờ trong có một người.
Phúc đội ơn giời sức mới được dân.
Kẻo còn khúm-núm khuất-nhân,
Hùm thiêng lần-lữa ẩn thân non tàng.
IV. — Trắc-nương nghe biết than rằng:
« Nước Nam ngỡ những ở sòng như ta!
« Chẳng ngờ có kẻ lo xa,
« Trong cơ-hội ấy có ta càng màu.
« Vốn ta ý rắp đã lâu,
« Được người hào-kiệt cùng nhau vẫy-vùng.
« Ra đời nên kẻ anh-hùng,
« Xá sao học thói vợ chồng kẻ quê.
« Lấy nhau ăn ở lờ-cờ,
« Lần-thần đi về ngõ xã làng dân.
« Lấy làm đắc thú an dân,
« Hôm sớm lo vần buôn bán ngược suôi.
« Định kỳ chọn sự lan-giai,
« Giá-thú luận tài Di-địch thói quen.
« Ta cùng Thi-Sách kết duyên,
« Trọn sự người hiền ăn ở cùng nhau.
« Miễn là trọn vẹn gót đầu,
« Chớ trì sự ấy cho mau việc làm.»
V. — Từ thông hòa hảo bắc nam.
Một nhà phu phụ nghìn năm kết nguyền.
Vợ chồng mừng thầm nhân-duyên,
Toan đương mở nước dựng nên nghiệp nhà.
Phiên hầu lần-lữa để qua,
Tô-Định lòng ngờ Thi-Sách phản mưu.
Người ta nói khéo bảo nhau,
Rằng ngươi Sách lấy hai hầu họ Trưng!
Nữ-tài có sắc khác hằng,
Của nên vô giá xem bằng thần tiên.
VI. — Từ ấy Tô-Định nghe tin,
Biết rằng còn gái thuyền-quyên tốt vời.
Thi-Sách nên đứa dễ ngươi,
Chẳng lòng cung kính kết đôi vợ chồng.
Nó toan làm sự gian-vòng,
Trước liệu ra lòng, phương trấn truyền binh.
Toan lo làm sự chẳng lành,
Nín hơi chẳng thấy đem mình đến đây.
Lâu ngày có mọc cánh bay,
Rễ dầu khôn thấu, gốc lay khôn rời.
VII. — Bình quí thần-tốc chơ sai,
Ra khi bất ý vào nơi vô-tình.
Định binh đến Chu-diên thành,
Nghìn vàng sao chuộc lấy mình họ Thi.
Tìm lấy Trắc-nương đem về,
Nghìn vàng kiến tại phân chia trong ngoài.
Tô Định trong có một người,
Biết tin bảo Sách mọi nhời vân vân.
Hay tình Sách mới ra quân,
Lối đường gìn giữ nẻo ngăn ải về.
Tô binh sắm-sửa kịp đi,
Vũ-ninh chốn ấy bốn bề bọc tươi.
VIII. — Sách rằng: « chẳng có mỗ nhời,
« Những sự nghe người, bắt bọ bỏ tai.
« Tướng-quân nhân nghĩa khắp đời,
« Di-thần sao dám chống người nhà vua? »
Định rằng: « Ngươi chớ hèn lo,
« Có mặt bướng phè, vắng mặt hung-hăng!
« Ấy ngươi làm sự bất-bằng,
« Đâu mà chẳng biết, lọ rằng mới hay »
Sách rằng: « Nhời ấy oan thay!
« Việc nhà phương trở, nên rày chửa ra.»
Định rằng: « Ngươi, đứa gian-tà,
« Nghe chước đàn-bà làm sự bất-trung!
« Tôi, ngươi ở chẳng hết lòng,
« Hai gái má hồng dùng lấy kết duyên!
« Toan nhau làm sự nghịch thiên,
« Biết tin tao đến Chu-diên thăm tình ».
Sách rằng: « Tao ngỡ hiền-lành,
« Lấy ân vỗ chúng để danh đãi hiền.
« Chẳng ngờ ra dạ muông chim,
« Phen này lỗ-lược tìm đi hai kiều.
« Đôi Trưng tao vốn của yêu,
« Đầu mày muốn đổi, tao liền bớt cho! »
Định rằng: « Thằng rợ Giao-châu,
« Nói nhời hiềm độc, ruột đau như dần! »
IX. — Đem lòng hờn giận thấm ngầm,
Mình lên cật-ngựa hăm-hăm xông vào.
Thi-Sách lòng cực xiết-bao!
Tay cầm bảo-kích giáp nhau chém hoài.
Được thua ai có nhường ai,
Kẻ trăm vào thốc, động ngoài bốn phương.
Sách binh thế nhạt khôn đương,
Giời nhường chưa giúp, thần nhường chưa vâng.
Sách quân sợ dạ bập-bằng,
Đảo qua ai nấy tìm đường về dinh.
(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ sao lục

Thảm-thiết đêm ngày sông Hát khóc :
Ôi hai Bà ! ngơ-ngác tàn quân !
Thảm-thiết đêm ngày sông Hát khóc :
Ôi hai Bà ! thổn-thức nhân-dân !
Mã-Viện tung-hoành trong đất nước ;
My-linh khói tỏa khét mùi thiêu ;
Hồng-hà một dải, đầu-lâu bước ;
Lăng-bạc, thây người, tiếng quạ kêu.
Trời mây u-ám màu tang-tóc ;
Cây cỏ đầm-đìa giọt lệ xuân. (1)
Rừng hú, điên-cuồng cơn gió lốc,
Lá lăn đường thảm, héo-hon dần.
Đâu hai Bà ! Sóng chiều rên-rỉ !
Tà-huy mò xác đáy trường giang !
Đâu chốn bùn đen vùi ngọc-thể,
Long bào máu nhuộm, mảnh gươm vàng ?
Toàn cõi Giao-châu lên tiếng khóc,
Đêm trường, giăng hụp... bóng sao mờ.
Già, trẻ ôm nhau lòng uất-ức,
Miệng phun huyết nóng, ngậm u-hu,
Tưởng chừng : vũ-trụ tan thành lệ,
Mắt nhòa, hoen đỏ, nứt con ngươi,
Sấm động, tai ù, tiêu-tán chí,
Chết cứng chân tay, ngã rụng-rời...

∴

Tráng-sĩ, máu sôi, chân thúc ngựa,
Xa nhìn lửa bốc phía hoàng-cung,
Thét vang bao tiếng đêm run sợ,
Áo-não, ghê người, rợn khoảng không.
Bốn vó câu bay xua bóng tối,
Một gươm niên-thiếu vững tay cầm,
Vượt cánh đồng sâu, lòng khắc-khoải,
Rút đường mau tới chốn ba quân.
Những mong trọi trán cùng tên đạn,
Nấp bóng hai Bà diệt Chi, (2) Long, (3)
Phanh thây Mã-Viện, bình Đông-Hán,
Mở mặt anh-hùng với núi sông.
Tưởng tới : yếm khăn đoàn nữ-tướng,
Nhung-tràng tầm máu gói đầu-lâu ;
Thân liễu múa tung đường kiếm nhoáng,
Gót sen giầy xéo ruột quân thù ;
Cát bụi điểm-tô màu má phấn ;
Son huyết đao mài, thắm chỉ môi ;
Tiếng oanh thỏ-thẻ vang thành sấm,
Điều-khiển râu-mày bước tiến lui...

∴

Thanh-niên mộng-tưởng nghiêng trời đất,

HÁT-GIANG TRƯỜNG LỆ

(Sau trận đại bại của hai bà Trưng)

Ước-vọng càng cao, thất-vọng nhiều :
Tráng-sĩ tê-mê nằm lặng ngất
Bên hàng cung-khuyết cảnh tiêu-điều !
Hoàng-thành than thở cho chàng biết :
Tránh nhục, hai Bà gửi Hát-giang
Tấm lòng trinh-bạch, đời oanh-liệt,
Thân-thế tung-hoành, chí dọc ngang !
Hoàng-thành than-thở cho chàng biết :
Nuốt hận, hai Bà dưới Hát-giang,
Nhắn-nhủ nhân-dân lời vĩnh-quyết,
Binh tàn trông cậy tướng Đô-Dương. (4)

∴

Lấm-tấm mưa đêm, xuân ảm-đạm,
Nước non sùi-sụt khóc điêu-tàn.
Âm-khí nặng-nề mùi chết thảm,
Nồng, hôi, tanh sặc chiếm không-gian.
Tráng-sĩ tiến sâu vào mộ-địa
Tối-tăm, vô-hạn dưới trời Nam.
Triền-miên dế độ hồn trung-nghĩa,
Lạnh-lẽo hương tàn chốn thảo-am.
Con nít còng queo nằm xó lũy,
Kiến bò lỗ mũi, nhấm vành tai.
Khổ nữ, thần trần, đôi vú xễ,
Đầu cắm bùn đen, cẳng chọc giời.
Bà lão ngâm mình trong vũng nước,
Răng long, mồm há, lưỡi thè-lè.
Giai tráng không đầu, tay dao, thước,
Ôm ngang bờ ruộng, máu bê-bê.
Xác chết đó đây, nơi cỏ rác,
Chân đồi, ngõ xóm, nẻo rừng xanh.
Xác chết ngổn-ngang nơi tú-các,
Lâu-đài, dinh-thự với lều tranh.
Trên đường đưa tới Cư-phong huyện (5),
Vùn-vụt như bay bóng ngựa hồng :
Tráng-sĩ xót-xa cung, miếu, điện,
Mơ nhìn thăm-thẳm cõi mông-lung...

∴

Xa-xa, vượt núi, trèo non biếc,
Lội suối, qua sông, chẳng ngại đường,
Dân binh ủ-rũ theo hào-kiệt,
Can-trường, dũng-cảm, tướng Đô-Dương.
Rét buốt, mưa phùn, trời xám thẫm,
Tả-tơi rầu-rĩ một đoàn quân.
Cúi đầu, im tiếng, đi chầm-chậm
Như đám ma dài giữa cảnh xuân.
Thỉnh thoảng dừng chân treo vách núi.
Quay nhìn hướng Bắc, phía My-linh,
Trộn giòng lệ huyết cùng mưa bụi,
Tưới đẫm hoa vàng, nõn lá xanh.
Giời đen, trĩu nặng mây đeo đá,
Lặng-lẽ như tờ, ủ nước non,
Bỗng chuyển ầm-ầm, tung sóng cả,
Vang lừng sấm-sét thúc mưa tuôn.
Tiếng sầm đầu năm ? Tiếng khóc thét
Rung thành-quách vỡ đất Giao-châu !
Xuân đổ mưa dào ? Xuân nhớ, tiếc
Nụ Hồng, hoa Lạc đáy sông sâu !

∴

Tản-mác, âm-binh trong bóng tối
Vòng quanh nấm lửa mọc lơ-thơ.
Rừng sâu, xõa tóc, oan hồn gọi
Lấy máu quân thù rửa nhục-nhơ.
Đô-Dương, lão-tướng, ngồi tư-lự,
Tay chống gươm trần, tựa gốc đa.
Mảnh giáp, máu khô vờn ánh lửa.
Phơ bạc chòm râu hứng lệ sa.
Tướng-quân ôn lại nhời vua dặn
Giữa chốn nhung-tràng lúc biệt-ly.
Tướng-quân thao-thức, lòng đau quặn,
Ngán nỗi thân già mỗi tuổi suy ! (6)
Thanh-niên nam nữ hai hàng đứng,
Sây-sát đầy người vết chém đâm.
Ngổn-ngang đao, kích, tên, cung dựng,
Chiến-sĩ trông nhau, rỏ lệ thầm ;
Lắm lúc giật mình nghe tiếng gió,
Ào-ào bạt gẫy ngọn cây rơi.
Lắm lúc mơ-màng nghe tiếng hổ,
Đêm khuya gầm dữ động vang trời.

∴

Muôn kiếp suối trong, rừng cỏ rậm
Cưu-giùm tướng-sĩ buổi gian-truân.
Ngàn năm, đá chởm, hang sâu thẳm
In dấu cùng-đồ đám bại quân.
Biết bao rùng-rợn, bao huyền-ảo
Diễn nhạc lâm-tuyền, nhạc núi-non,
Lần giọng lâm-ly, sầu áo-não
Của toán binh tàn khốc nỉ-non,
Khóc thời oanh-liệt ba năm trước (7)
Thúc trống châu Phong, rửa sạch thù,
Khóc bước nguy-nan, hồi bĩ-cực,
Dân buồn dốc chén đượm cay chua !
Tiếng khóc bi-ai, lời thống-thiết,
Nhưng xa tê-liệt chí anh-hùng.
Khóc luyện tâm-hồn thành sắt, thép,
Để phút cuối-cùng, phút gắng công.

∴

Thảm-thiết đêm ngày sông Hát khóc :
Ôi hai Bà ! Ngơ-ngác tàn quân !
Thảm-thiết đêm ngày sông Hát khóc :
Ôi hai Bà ! Thổn-thức nhân-dân !
Giữa chốn doanh-hoàn, trên đất Á,
Một chàng lực-sĩ, mặt chiêu-đăm,
Đỉnh đầu dựng đứng cây đồng trụ,
Cao chạm mây mờ, khó nỗi cân.
Bước từng bước một, gân xanh bủa,
Nhìn xác hai vì nữ Tướng-quân :

∴

Giông-tố ngàn phương không nỡ tắt
Sấm-sét muôn đời không nỡ át
Tiếng than vang lại tự thời xưa.

MINH-TUYỀN

6 Mars 1942

---

1) Hai bà Trưng tuẫn quốc hồi tháng giêng mùa xuân năm quí-mão (43), cách nay đã 1899 năm rồi.

2, 3) Lưu-Long và Đoàn-Chí, hai tướng nhà Hán.

4) Đô-Dương, là một tướng của Trưng-vương, cầm đầu toán tàn-quân, chống lại với Mã-Viện, sau khi hai Bà đã tuẫn quốc. (Khâm định Việt-sử thông-giám cương mục, quyển II, tờ 12).

5) Thuộc tỉnh Thanh-hóa ngày nay.

6) Về sau, Đô-Dương rút lui đến huyện Cư-phong (nay thuộc Thanh-hóa), vì thế cùng, sức kiệt, phải hàng Mã-Viện.

7) Cuộc độc-lập của Trưng-vương được ba năm.

Du-ký

DÂNG HƯƠNG MIẾU HÁT

HOA-BẰNG

DƯỚI ánh tưng-bừng ấm-áp của một buổi trưa cuối đông, chúng tôi, bốn người, lên đường đi tham miếu Hát với một ít đồ cần dùng.

Tôi đem theo một cây bút và ít giấy. Nguyễn quân dự bị một gói « ăn đường ». Nhà nhiếp-ảnh D. K. không quên đeo một bộ máy của nhà nghề mỹ-thuật.

Bốn bánh xe hơi vùn-vụt quay trên *đường cái* thiên-lý, lối Hanoi—Sơn-tây

Khi đến quá cây số 26, chúng tôi có cảm-tưởng như đứng trước «chỗ ngoặt của lịch-sử ».

Sau giấy-lát trù-trừ, nhà nhiếp-ảnh kiêm « khí xa công » lái xe quặt ngay sang đường đê bên tay phải, đồng ý với chúng tôi «ngả về hữu» sau khi Nguyễn-quân soát lại tờ hành trình do một nhân-viên trong phòng Du-lịch đã gửi sẵn cho.

Bấy giờ đương mùa hanh, xe chúng tôi dễ dàng bon-bon trên mặt đê đất khô-ráo hai bên viền nẹp xanh bằng những lớp cỏ gà cằn áy.

Từ đầu đê nối đường cái nhựa đến chỗ ngã ba có cái biển vẽ tên chỉ đường sơn đã róc, chữ đã mờ, « thôi đường » ấy vào độ 7 cây số.

Xuống xe, « bỏ rơi » lại một bạn với chiếc điểm canh ở bên đường đê, ba chúng tôi « hăng-hái » tiến bước dưới ánh chiều đông. Lấp-loáng tia vàng phản chiếu từ mặt sông đói nước.

Vì đi lầm đường rẽ về tay hữu, nên chúng tôi phải lẽo đẽo đi bộ đến 5 cây số mới vào tới làng Hát-môn. Chứ như người ta nói, nếu từ chỗ biển chỉ đường rẽ về tay tả thì chỉ đi mất độ 1 cây số là đến nơi.

Bóng cây râm mát đường bao trước cho chúng tôi biết đã đến nơi thông-uất của linh khí.

Qua giữa hai cây cột trụ mặt trước còn đôi câu đối, vế tỏ, vế mờ, lần bước xuống những bậc đá khang trang, chúng tôi in gót trên nét nắng nhặt thưa dưới một vòm xanh đan bằng cành lá hai dãy cây cổ thăm, thẳm âm u và đầy vẻ thần bí...

.·.

Trước khi qua cửa tam-quan để vào miếu Trưng-vương, tôi không quên dán mắt vào hai tấm bia đá dựng ở phía ngoài. Nhưng chúng chẳng giúp thêm cho một chút gì vào « sử-học » vì một tấm đã mờ hết chữ dưới sức gặm mòn của mưa gió thời-gian, một tấm chỉ làm công-việc của một cuốn phả khuyến...

Vị-trí đền và hai nhà tả, hữu-vũ dựng theo kiểu chữ môn, bao lấy một khu sân rộng ở giữa, đứng sững nhiều cây cổ-thụ bà-xòa bát-ngát dường làm tượng-trưng cho những linh-hồn vĩ-đại còn bàng-bạc khắp non sông.

Ngước nhìn bốn chữ « *Lạc Hùng chính thống* » trên bức hoành treo ở gian giữa nhà bái-đường, tôi tưởng nó đủ trả lời bộ *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* nói ở chỗ « phàm lệ » rằng họ Trưng dấy binh phục thù, chưa thành nước, nên không cho đứng riêng làm một « kỷ » (như *Trưng-kỷ* chẳng hạn), nhưng bắt phụ vào niên-kỷ thuộc Hán.

Phải, « Lạc Hùng chính-thống » đấy, sao người ta lại dám tước đi không liệt họ Trưng làm một triều-đại ?

Qua lớp bái đường ba gian hai chái ấy đến lớp trên là nội cung: Thế là hình chữ « nhị », chứ không phải kiểu « chuôi vồ ».

Khác với đền Đồng-nhân thờ thần tượng, miếu Hát này thờ long-bài.

Ngoài hai cỗ kiệu kiểu các vua chúa vẫn ngự thời xưa, miếu Hát-môn tuy có tiếng là miếu cổ nhất — theo sử chép, lập từ sau hồi Mã-Viện về Tàu — song các đồ tự khí không có thứ gì ghi lại được chút dấu vết lịch sử chẳng hạn như cặp ngà voi ở đền Đồng nhân!

Tôi đang ôn lại trong trí những điển tích trong sử và sự nghiệp của hai bà Trưng như người ta đã tả trên mặt các hoành phi, câu đối la-liệt ở thượng cung và bái đường, bỗng một cảnh thực tế bắt tôi phải để ý đến: một ván xôi, một con gà do lòng thành của một gia đình dân-quê mang đến, chắc trong thâm tâm họ đã lầm nhầm những lời kỳ đảo bình an phát đạt kèm theo lễ ấy dâng lên hai đấng nữ anh hùng.

Sau khi đã từ giã mấy vị huynh-thứ sở tại, chúng tôi còn nhầm nhớ lại những ngày dân làng Hát môn huyện Phúc thọ, tỉnh Sơn-tây kỷ-niệm hai bà:

Lễ húy nhật làm vào ngày mồng 4, tháng 9.

Lễ mộc dục cử hành nhằm ngày 24 tháng chạp khi rước long bài ra Hát giang.

Còn hai ngày mồng 5 và mồng 6 thì là những ngày tiệc thánh.

.·.

Ra khỏi miếu Hát, tôi được một thỏa mãn là đã làm đạt mục đích trong một cuộc du lịch nhỏ thuộc địa hạt lịch sử, chứ chẳng có những « cảm-tưởng thi-vị » về cuộc tang thương hưng phế hay « xúc cảm bâng khuâng » về nỗi thấy nay nhớ xưa gì cả.

Lên xe, chúng tôi giở quít ra ăn, thấy mình như được hồi sức sau một chuyến đi bộ khứ hồi hàng mười cây số.

Trong ruộng ven sông chị em gái quê đương lúi húi dầm bùn cấy lúa. Xa xa một vài chiếc thuyền chài đang cưỡi nước nhuộm tà-dương...

H. B.

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Nhà nước mong rằng toàn dân đều có lòng hi-sinh như nhau, và cốt sao cho ai nấy cùng đều hưởng những sự may mắn ».

BÌNH-LUẬN VÀ VỊNH NHỊ TRƯNG

TA đọc sử nước Pháp, thấy chép chuyện bà Jeanne d'Arc mà ta kinh phục, ta kính mến. Kính-phục về cái chiến-công vĩ-đại, chống được quân Anh, thu-phục được giang-sơn thành quách do tay một người con gái thân bồ vóc liễu làm nên; kính-mến vì cái nhiệt-thành ái quốc, cái nghị-lực hi-sinh, đến chết không đổi. Người Pháp đến nay vẫn còn ai-tự sùng bái, mỗi năm mỗi làm lễ kỷ-niệm bà, thật là xứng-đáng.

Ta có ngờ đâu rằng, khi lập lại quốc-sử Nam mình, ta cũng được thấy trong đám con Hồng cháu Lạc, mà lại ở trong chốn khăn yếm buồng the cũng có hai bà lập nên được sự-nghiệp cứu-quốc oanh-liệt hiển hách. Tuy thân-thế cũng cùng chung một kết-cục như bà Jeanne d'Arc, cũng vì tình-thế trứng chọi với đá, sau lại bị quân cường-địch đánh thua, đem thân tuẫn nước; nhưng cái lòng thành vị dân vị quốc không có lời ngon giọng ngọt nào cám dỗ nổi, không có tước lộc tiền của nào thay chuyển nổi, không có búa rìu sấm sét nào dọa nạt nổi, đã vì nước mà sinh thì nhất-định vì nước mà tử cũng cùng một can-đảm, cùng một tiết-tháo với bà nữ-kiệt Pháp kia.

Hai bà ấy là ai? Tức là người đã đuổi quan Tàu Tô-Định, đã tung-hoành trong bốn năm trời ở một cõi Lĩnh-nam hơn sáu mươi thành, đã dựng nên nghiệp đế ở thủ-đô thanh-danh văn-vật, có triều-đình, có chế-độ, có văn-quan võ-tướng, có chính hình lễ nhạc trên dải đất My-linh, đã giải-thoát giống nòi ta được một hồi ra khỏi lồng cũi cường-quyền, lạc nghiệp an cư trong chỗ đệm êm chiếu ấm, là hai chị em nhà họ Trưng, bà Trắc và bà Nhị đấy.

Hai chị em bạn gái chân yếu tay mềm, gan dạ đến bậc nào! phách lực đến bậc nào! mà dám phấn-nhiêu khởi nghĩa-kỳ, chỉ chắc cậy vào một tấm đan-thành tát bể dời non để chống trọi với hàng bao vạn mãnh-tướng hung-binh, của lũ «thiên-triều» kiệt-ngạo!

Ta lại thử tưởng-tượng cái công-chuyện dã tràng se cát: một bên thì đường-đường đại-quốc, sức mạnh, của giàu; một bên thì một dúm cô-quân, hiệu-lệnh chỉ-huy tự hai người gái yếu; cứ lấy thế lực mà nói có khác gì châu-chấu đá voi? Không biết tài lược cao-cường đến thế nào, trí mưu thần diệu đến thế nào, về sự điều binh khiển tướng, dùng người trao chức, sắp-đặt khôn khéo đến thế nào, mà yếu địch được mạnh, ít địch được nhiều, tạo thành được cái sự-nghiệp dẹp loạn trừ tàn, đến quan Hán phải chịu thua, nền tự-chủ trời nam gây-dựng nổi!

Ta lại thử tưởng-tượng gặp cái lúc quân thua, thành vỡ, tính-mệnh như một sợi tơ-mành, nhiều những người bình-nhật tự phụ là anh-hùng, hào-kiệt, chí-sĩ, nhân-nhân cũng thường thấy nổi lên một trận tranh-đấu kịch-liệt ở trong lòng, một đằng là thân-gia, một đằng là danh-dự, mà có khi thân gia lại đắc-thắng, danh-dự vẫn phải lùi, để đến nỗi d ễn thành những cái xú-kịch Ích-Tắc hàng Mông-cổ, Nguyên-Trừng thờ Minh. Hai bà can-đảm tiết-tháo đến bậc nào! mà khảng-khái bỏ mình trọn nghĩa, coi chết như về, mượn giòng nước Hát-giang, rửa nhục ngảnh mặt với cái giàu sang vô-vị, xem tựa đất bùn được thế ư.

Ta có thể đem chuyện hai bà góp vào lịch-sử anh-thư trong thế-giới mà không thẹn chút nào; sánh với bà nữ-kiệt Pháp kia còn bội phần vinh-d ệu vậy.

I

Nước nhà gặp cơn bĩ,
Trách-nhiệm gái, trai chung,
Em ơi, đừng cùng chị!
Thù riêng mà nghĩa công.
Tham tàn căm tướng Hán,
Tai mắt tủi con Hồng;
Quản chi phận bồ-liễu,
Kề vai gánh núi sông.
Lĩnh-nam bảy mươi quận,
Mặc sức ta vẫy vùng
Mi-linh dựng nghiệp đế,

Nhi-nữ cũng anh-hùng!

II

Cấp nạn em cùng chị.
Anh hùng gái giống cha.

Chẳng những vị thù nhà.
Voi Triệu đưa đường tiến.
Cờ Đinh mở lối ra.

Muôn thuở tiếng hai bà!

DƯƠNG BÁ-TRẠC

Ô mai **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn trăm linh bầy Bạch-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

Văn tế hai bà Trưng

Tưởng bấy lâu non nước rồng tiên, nung đúc nên đôi vì nữ kiệt ;

Dấu đương buổi gió mưa Âu, Á, trông mong vẫn một dạ quốc dân.

Tinh-thần còn đó,
Cảm-cách không ngần !
Nép nghĩ : Hai đức Đại vương
Sinh nơi tú các, rất mực hồng quần !

Nối dòng lương tướng, thay vị chân nhân.

Nam-quốc khi xưa vận bĩ :

Bắc-thuộc, nhiều nỗi gian-truân !

Kẻ mày râu cũng vào tay trói buộc,

Trai anh hùng khôn giở mặt kinh luân !

May cội Lạc nẩy chồi hoa tỉ muội ;

Ngắm vườn Hồng, nỡ để bụi kinh trần ?

Nỗi riêng, quyết trả thù nhà : gan vàng, dạ sắt ;

Thời loạn, mong yên việc nước : giáo nghĩa, gươm nhân.

Thành Đông kia phất ngọn cờ đào, bọn giặc Tô đã thúc đầu voi tung một chặp !

Hồ Tây nọ tuốt trăn gươm bạc, thây tướng Mã rắp đem da ngựa bọc bao lần !

Nét phấn son tô điểm non sông, sáu mươi ngả dệt theu nền cẩm tú,

Mũi kim chỉ dọc ngang trời đất, ba năm chầy lừng lẫy trận phong-vân !

Châu Phong xây lớp thành vàng, tầng mây ngất nền vương, nghiệp bá.

Sông Hát tuôn làn sóng bạc, tiếng sấm vang thét giặc, la quân.

Vận dẫu gặp lòng trời tựa Hán ;

Nghĩa vẫn không tôn đế theo Tần.

Cuộc thành bại mặc dầu kim cổ,
Trường liệt-oanh dậy khắp xa gần.

Làn hồ Bạc, trăng rọi đêm thu, gương vằng - vặc còn soi trên lịch-sử ;

Dấu cột đồng bùn chôn đáy bể, sóng ầm-ầm vẫn rợn kẻ cường lân !

Sông Hạc một giòng, nước chảy sạch trong hồn chính khí.
Lưng voi đôi tượng, thần thiêng hiển hiện bến Đồng-nhân !
Xuân qua, thu lại lửa hương, trải nghìn xưa, bao người sùng bái.
Kinh bắc, thành tây miếu-mạo, suốt ba kỳ chung dạ tôn thân.

. . . . . .

Anh-linh xin giáng miếu-đình, chứng giám cho lòng thành điền bộc ;

Phù hộ khắp trong xã - hội, ơn nhờ được lên chôn đài xuân.

CÚC-HƯƠNG di mặc
S. C. sao lục

Sao không cho Trưng-vương là chính thống?

Tiếp theo trang 9

anh-hùng, làm việc nghĩa-khí, chấn-động đến Hán-đình ; tuy thế cô thời trái, nhưng cũng đủ hưng-khởi lòng người để làm gương sáng trong sử sách. Kìa những người nam-tử tu-mi khép áo làm đầy-tớ người, chẳng cũng mặt dày xấu-hổ chết được ư ! »

Đọc bấy nhiêu nhời bàn cũng đủ hiểu rằng bổn-phận của ta là phải tôn hai bà Trưng lên bậc liệt-nữ thứ nhất nước nhà, và ghi năm 40-43 vào niên-biểu chính-thống, chứ không nên cho là « phản-nghịch » như lời Lê-Tắc viết trong quyển *An-nam chí-lược* (q. 15, tờ 8 b).

Mỗi khi chép sử hay dạy sử, nghĩa-vụ của ta là phải nhớ lấy rằng trừ thời lập quốc ra không kể, nước Nam ta đã biết tự-chủ ngay từ hồi bà Trưng, vào đầu thế-kỷ thứ hai, chứ không phải từ đời nhà Tiền-Lý, về thế-kỷ thứ sáu.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Xin lỗi

Vì kỳ này nhiều bài quá, nên bài bia đền Hai Bà ở Đồng-nhân và nhiều bài khác đều phải gác lại số sau. Xin các bạn lượng thứ. T.-T.

Đề miếu Hai Bà Trưng

(Ở Hát-môn)

Gác mái, con thuyền đỗ bến hoa,
Lên đây mới biết miếu Hai Bà.
Ba năm sự-nghiệp, nghìn thu để,
Nữ-chúa tên ghi sử nước nhà.

TRÚC-KHÊ

Đền Đồng-nhân dưới mắt tôi

Non sông gánh hai Bà,
Tô đẹp trang sử ta.
Đỉnh cổ, hương còn ngát.
Cây cao, bóng rủ xa.
Chim kêu, mơ tổ cũ.
Rùa sứt, nhớ bia nhoà.
Tiếng gió ào-ào thổi ?
Tiếng quân đương xông-pha ?

SONG-CỐI

Cùng các bạn đọc số báo này

Trong số này, Tri tân chỉ đứng về mặt khảo cứu, tìm kiếm tài liệu về hai bà Trưng để hiến những bạn ưa thích món sử học, nên từ chính-sử, dã thặng đến thần tích, bản chí đều nhất nhất thập tập dùng làm tài liệu mà đăng tải. Tựu trung có những chỗ « tiền dị » như số quân của Mã Viện và ngày tuẫn quốc của hai bà Trưng v. v. xin các bạn nên coi đó là những món để tham khảo, chứ đừng ép phải nhất trí. Vì bao giờ chúng tôi cũng muốn tỏ ý kính trọng sử liệu và trả lại cái chi của lịch sử cho lịch sử T. T

Một vị cân-quắc anh-hùng dưới triều Trưng-vương

THÁNH THIÊN CÔNG CHÚA

NHẬT-NHAM

SAU khi đánh được An-dương-vương, Triệu-Đà sáp nhập nước Âu-lạc vào quận Nam-hải, lập thành một nước gọi là Nam-việt, tự xưng làm vua, tức là Triệu-Vũ-vương. Vũ-vương truyền ngôi được bốn đời, trong nước được thái-bình thịnh-trị.

Năm Canh-ngọ (111 trước Tây-lịch) vua Vũ-đế nhà Hán sai Lộ-Bác-Đức và Dương-Bộc sang đánh nhà Triệu, lấy nước Nam-Việt, rồi cải là Giao-chỉ-bộ, chia làm chín quận và đặt quan cai-trị như các châu-quận bên Tàu vậy.

Các quan Thái-thú Tàu được cử sang cai-trị các quận, phần nhiều bạo ngược, chính-trị tàn ác. Người Giao-chỉ vẫn có lòng oán-giận, chỉ chờ cơ-hội nổi lên đánh đuổi quân Tàu để khôi-phục lại nền độc-lập cho non sông đất nước.

Thời ấy, tại làng Bích-uyên thuộc phủ Kinh-môn quận Hải-dương, một vị quan nhà Triệu trước là Nguyễn-Huyên, thấy vận nước gian-nan, cùng vợ về quê ẩn-lánh để mưu-đồ việc nhớn. Muốn che mắt người Tàu, vợ chồng tìm nơi am-thanh, cảnh vắng, chụ-trì tại chùa Cầm-long, tháng ngày lễ Phật, sớm trưa cúng giàng, nuôi chí khôi phục lại giang-sơn Nam-Việt.

Chẳng bao lâu, phu-nhân thụ-thai đủ 13 tháng, giữa ngày 12 tháng 2 năm Ngọ, sinh một gái mày ngài, mắt phượng, xem ra ngọc-tường, kim-tinh.

Vì trước ngày sinh-nhật, phu-nhân mộng thấy một người con gái tự xưng là : «tự nơi dương-đình khâm-thụ mệnh trời, xuống đầu nhập thai sinh », nên lúc sinh ra, vợ chồng rất yêu quý con mà mệnh danh cho con là Thánh-Thiên công-chúa.

Năm lên 9 tuổi, công-chúa thông-minh dĩnh ngộ, học một biết mười, tam phần, ngũ điển, lục thao, tam lược, đều quán thông.

Học đến năm 12 tuổi, đã có tài xuất-chúng : văn-chương quán thế, võ-nghệ siêu quần.

Công-chúa thường bảo mọi người rằng : Đã sinh ra làm người thì nên như Y, Lã, Tôn, Ngô, lập công nghiệp oanh-oanh liệt-liệt, không thì xác bọc da ngựa ngoài chốn sa-trường mới phải là đáng mặt một kỳ-nam-tử, khỏi mang tiếng hư-sinh.

Bao phen đã từng dò được chí cha, vì Nguyễn-Huyên thường nhật vẫn đem tâm-sự ngụ trong mấy câu thơ ngâm nga cho qua nỗi ưu-tư:

«Từ khi thất quốc, vong gia,
«Vợ chồng, con-cái đến nhờ thuyền-môn.
«Lòng riêng báo quốc không chồn,
«Binh-lương chứa chất luôn luôn đã nhiều.
«Anh-tài chửa thấy ai theo.
«Một mình công việc tram chiều khó đương ! »

Một mình ôm một bầu nhiệt-huyết ngày quên ăn, đêm quên ngủ, tình nhà nghĩa nước trăm mối vò tơ, nghìn nỗi ngổn-ngang, chẳng bao lâu tuổi già, lực kiệt thụ bệnh hơn một tháng, Nguyễn Huyên qua đời. An-táng tại đất chùa, trên đồng gò cao.

Hai mẹ con lưu cư cảnh Phật, mõ sớm, chuông chiều, câu kinh, tiếng kệ, cho khuây nỗi nhớ thương.

Cư tang mới được hai năm, phu-nhân cũng theo gót chồng, cưỡi hạc quy tiên.

Công chúa xót thương,, lệ huyết tuôn rơi : « Cha mẹ sinh ra ta, cao « sâu nghĩa nhớn chưa đền ! Ngày « nay phải lo nối chí nhớn của hai « thân, lập nên Đại nghiệp để hiển « dương phụ mẫu thì dù các ngài « đã khuất cũng vui cười nơi chín « suối. »

Từ đấy, tiềm tâm báo quốc, công-chúa mộ đoàn cựu-nghĩa gia thần, cấp dưỡng binh khí lương thực ra công thao luyện binh luận, chiến-thuật. Chẳng bao lâu danh chấn một phương.

Quân Tàu được tin, đề binh khiển tướng, giao tranh mấy trường, đều bị công chúa đánh tan không còn một mảnh giáp mà về. Song hết lượt ấy lại đến lượt khác, quân Tàu không nản lòng, cố sức liều chết để chiến-đấu...

Công chúa tự nghĩ : quân ta ít, quân Tàu nhiều, họ lại luôn có tiếp ứng. Dù ta được nay, nhưng cũng không thể nhất đán binh ngay quân Tàu. Chi bằng hãy tạm cởi giáp, hưu binh, đợi thời khởi sự.

Bao nhiêu tướng sĩ đều được lệnh tạm lui về quê quán để chờ ngày dùng đến.

Công chúa giải quân xong, bèn lên đường tìm đến thăm người cậu ở huyện Yên dũng vùng Bắc giang để bàn việc binh cơ.

Ông cậu này xưa đã từng làm huyện lệnh Đông triều, bấy giờ từ quan, nổi quân, chống nhau với

quân Đông Hán. Nương sau thế cùng lực kiệt phải tạm lánh về xã ký hợp huyện Yên dũng để chờ cơ hội.

Mồng bảy tháng giêng công chúa đi tới chùa Ngọc-lâm, phủ Lạng-giang (Bắc giang thì trời vừa tối bèn vào chùa lên bệ đức chúa nằm ngủ.

Đêm hôm ấy, 13 họ trong làng Ngọc-lâm đều mộng thấy Long-thần báo cho biết : « Trong chùa hiện có qui-nhân là một vị phò-quốc chưởng-quyền, bản dân nên xin làm thần-tử ».

Sáng hôm sau, dân làng rủ nhau ra chùa, thấy người con gái mặt mũi phi thường đương yên giấc điệp trên bệ đức Ông ai nấy đều cho là ứng mộng đêm hôm trước. Chờ cho công chúa thức dậy, nhân dân bảo nhau biện lễ khuyên mời. Song công-chúa hẹn khi trở về, sẽ dừng lại Ngọc-lâm.

Nhân-dân lưu không được, bèn cắt 5 viên kỳ-mục theo công-chúa sang ký-hợp ».

Tới nơi, cậu cháu gặp nhau mừng rỡ. Ông cậu đặt tiệc, triện các gia-thần, hội bàn quân-quốc cơ-mưu.

Cách vài tháng sau công-chúa bảo cậu, về mộ thêm binh-sĩ. Trước khi lên đường, công-chúa không quên ân-cần dặn cậu : « Ta nên đợi cho Giới ứng, người thuận, sẽ « khởi sự, không vội gì. Việc nước, « cũng giống việc nhà, niên-nguyệt « chi công, không một lúc thành « được. Cậu nên cẩn-thận, lúc ẩn, « lúc hiện, đông, tây tụ tán, chớ họp một nơi.

Về đến Ngọc-lâm, nhân-dân đón rước, đại-khai hỷ-hạ. Giữa tiệc, công-chúa truyền rằng :

— « Ta vì việc nước, tới thăm « cậu, giữa đường vào ngụ chùa « quý xã, đồng dân có lòng tốt đón « mời, thực ta rất lấy làm cảm-« kích. Vậy xin nói rõ chân-tình, « để mong cùng nhau mưu-đồ việc « nhớn. Hiện nay, giặc Hán hoành-« hành, uy-hiếp đồng-bào, bổn-phận « làm dân nước ta phải lo đạp đổ « cho tiệu-diệt đi. Bấy lâu, ta vẫn « thề cùng quân Đông-Hán chẳng « đội trời chung. Nếu đồng dân một « lòng cộng-tác thì xin cùng ta xây « đồn, đắp lũy, mộ quân-sĩ, tích « lương-thảo, để chờ ngày khởi sự ».

Dân-tâm đều ái-mộ, một niềm xin theo.

Từ đấy, trong làng đắp doanh-lũy, mộ binh-đinh. Mới trong một tháng, các tay anh-hùng dũng-sĩ các nơi đã về đầu-nạp rất nhiều.

Được hơn nghìn quân tinh-nhuệ, công-chúa định ngày cử binh sang hợp với quân-đội của cậu bên Ký-hợp.

Trước ngày khởi-hành, công-chúa truyền mổ bò, khao quân-sĩ, nhân cảm-hứng ngâm rằng :

« Thiên-địa sinh ngô nữ-tử-thân,
« Trung chi ư quốc, hiếu ư thân.
« Càn khôn bất phụ tang bồng chí,
« Khả miễn tam quân quốc-sự cần »

Dịch

Phận gái trời sinh ta tấm thân,
Phải trung với nước, hiếu song thân.
Vẫy-vùng cho thỏa lòng hồ-thỉ,
Gióng giả ba quân, sức phải cần.

Cử binh sang Ký-hợp, cậu cháu luận bàn quân-sự, lập đàn cầu khấn Trời Đất, rồi thưởng-khao quân sĩ. Cậu xưng là Nam-thành vương, cháu xưng là Thiên-nữ, truyền hịch, nổi trống, phất cờ, thẳng tiến đánh quân Hán.

Thái-thú Hồ-Công đem quân cự địch, bị đại-bại. Nam-thành-vương chém hơn ngàn tướng-sĩ Đông Hán. Hồ-Công mất vía, chạy thoát vào thành phủ, biểu-tấu về Hán-đế xin quân cứu-viện.

Hán-đế bèn cử Tô-định đem quân sang Nam-việt, lĩnh chức thái-thú thay Hồ-Công. Hồ-công tự đóng gông giải về Tàu.

Tô-Định vâng chiếu, thẳng đường tiến quân sang Nam-Việt. Mới bước chân tới đất nước Nam, đã giở ngay thói bạo ngược hung-tàn, đi đến đâu cũng uy-hiếp nhân-dân, lấy của, giết người, hãm hiếp đàn-bà con-gái, làm cho trong nước phải đi êu-linh, dân-tình đồ-thán !

Thánh-thiên công-chúa được tin Tô-định kéo quân sang, bèn lưu các đạo-binh, lập đồn bảo-thủ, rồi về nguyên-quán Hải-dương, thu thập binh mã để phòng chống với quân Hán.

Công-chúa về được hai ngày thì Tô-Định đã kéo quân đến đánh. Nam-thành vương không chống nổi, bị thua, tử-trận. Tô-định sai chém đầu, treo cột-cờ để thị uy.

Công-chúa được tin, rất đỗi thương tâm, thề báo thù cho cậu, giết lũ hung-tàn.

Liên-lạc các đồn Sơn-nam, Hải-dương, Ngọc-lâm, công-chúa khao thưởng binh-sĩ, thề một lòng chiến-đấu đến cùng.

Ba ngày sau, Tô-định đem quân khiêu chiến. Công-chúa được lợi

RƯỢU
Duboquina
Le Bateau
Cam Xã-Doài
Ngũ-gia-Bì
(Alcool méd camenteaux)

Chế bằng quinquina, jentiane và quả tươi.
Hiệu Ngọc-Hương *48 Sinh-từ Hanoi*
Tổng phát hành Bắc-kỳ.
Nhà chế tạo : **Đào-Viên** *117 Maréchal Foch Vinh.*

Bản-chức mời các người cứ theo thời-sự mà tưởng tượng số-mệnh của Đông-dương này sẽ ra sao một khi đã nghe lời khuyên tai hại của đảng phiếm loạn.

Đông-dương đem gán cho mấy cường-quốc không đủ lực để giữ thuộc-địa, Đông-dương đem sức mong manh mà chống cự thì chỉ có núi xương sông huyết, thành đồ nước tan.

« dĩ đặt đãi lao » lại thêm mưu thần chước quỷ, giáp chiến vài trận đã thắng quân Hán. Quân Hán bị giết, máu chảy đỏ một giòng sông Nhật-đức mà xác quân Hán xô xuống sông, ứ giòng sông, nước phải ngừng trệ ! Tô-Định trốn thoát về thành, đóng cửa thành cố-thủ.

Công-chúa thu quân kéo sang Ký-ngôi hợp, giữ Kiên-thành. Trong ba năm trời, mộ thêm quân, tích thêm lương-thảo, luôn luôn khiêu-chiến với quân Hán để giảm lực-lượng của bên địch. Nhân-tài hưởng ứng, mỗi ngày theo một đông ; uy-thanh chấn-động bốn phương. Hán-binh không dám tới gần, chỉ cố-thủ thành-trì phòng công-chúa tới đánh.

Tô-Định là người bạo-ngược, chính-trị tàn-ác, nhân-dân đều oán giận. Năm Canh-tí, Tô-Định giết Thi-Sách là một viên huyện-lệnh, quan huyện Châu-diên (phủ Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-yên ngày nay), chém đầu đem về Tàu.

Vợ Thi-Sách là Trưng-Trắc, con quan Lạc-tướng huyện My-linh (nay là làng Hạ-lôi, huyện Yên-lãng, tỉnh Phúc-yên) cùng với em gái là Trưng-Nhị vốn tài kiêm văn-võ, bèn kéo cờ khởi nghĩa để trả thù chồng, đền nợ nước.

Trưng-trắc cử Trưng-Nhị làm tiên-phong, truyền lịch cáo dụ xa gần, mộ nam nữ chiến-sĩ ; lập một đạo quân tinh-nhuệ hùng-cường.

Vốn nghe đồn tại huyện Yên-dũng có một vị cân-quắc anh-hùng lập sào-huyệt ở xã Ngọc-lâm đắp đồn Ký-hợp mấy trùng, quân mạnh, tướng hùng, đã từng phen làm cho quân Hán phải điêu-đứng, Trưng-Trắc sai sứ đến cầu.

Thánh-thiên công-chúa đón rước sứ-giả, truyền hội quân-sĩ rồi vui lòng dẫn binh theo sứ-giả. trống giong, cờ mở, hàng ngũ tề-chỉnh nghiêm-trang, vào thành bái-yết hai bà Trưng.

Trưng-Trắc hỏi qua vũ-lược, văn-mô, biết ngay là người anh-tài siêu-việt, bèn phong làm Bình tây đại tướng, ban cho kim kiếm long đao, cầm quyền sinh sát.

Đại hội quân sĩ trên Hát môn-giang, Trưng-Trắc lập đàn tràng sa, cáo tế trời đất khao thưởng tướng-sĩ tự xưng là Trưng-nữ-vương chia quân khởi nghĩa.

Trưng-vương ban cờ lệnh chỉ-truyền và một lá cờ lớn cho Thánh-thiên công chúa làm tiên phong. Mình tự làm trung doanh còn tả-dực thì Minh công, hữu hành thì Lương công. Trưng-Nhị tiếp ứng hậu-quân thủy-bộ.

Các đạo cùng tiến đánh rất hăng-hái.

Thánh thiên minh cưỡi ngựa hồng xông vào trận địa như không có người chém được ba tướng giặc treo đầu làm hiệu lệnh giết quân địch rất nhiều.

Các đạo theo đánh Tô Định chém được mấy nghìn thủ cấp. Quân giặc chết hại rất nhiều, thây nghẽn đầy sông. Tô Định xông pha ra khỏi vòng vây chạy trốn về Tàu.

Trưng-vương quét sạch quân Hán, khôi-phục được giang-sơn, đóng đô ở My-linh, xây thành, đắp lũy, mưu hạnh-phúc cho dân. Lại phong Thánh-Thiên làm Thái-bảo chư-hầu.

Thánh-thiên xin về Hải-dương, bái-yết từ-đường, tỉnh tảo phần-mộ của song thân. Trưng-vương ban thưởng 300 nén vàng, vài ngàn cân châu bảo gấm vóc và cho ngựa, voi, cờ trống, loan xa, phượng-liễu, lên đường quy-hương.

Về tới làng, trình lăng, tế miếu, yến khao cố-cựu, dân-binh, công chúa lưu mấy tháng, rồi lên miền bắc làm chay ba bảy đêm ngày cho cậu tại doanh Hợp-phố.

Thánh-Thiên xin lập cung-điện và dời Kinh-đô sang Hợp-phố. Trưng-vương truyền dân dựng ngay Hoàng-hoa lâu tại đó.

Xong rồi công-chúa về Ngọc-lâm phát cho dân-xã 10 nén vàng tậu ruộng làm công-điền và tu-sửa miếu-đình.

Công-chúa hồi triều phục mệnh Trưng-vương thuận thiên-đô, truyền cho văn võ quần thần sửa sang cung-điện tô-điểm lâu đài cho thêm phần nguy nga tráng-lệ. Kinh-đô di sang Hợp-phố huyện Yên-dũng, cơ-đồ từ đó vững như Thái-sơn bàn thạch.

Vua tôi yến lạc thăng-bình, miễn binh lương cho dân-gian, trong ba năm thịnh-trị, dân an, nước hòa.

Năm Tân-sửu (41) vua Hán Quang-vũ phong Mã-Viện làm Phục-ba tướng-quân, Lưu-Long làm phó-tướng cùng với Lâu-thuyền tướng-quân là Đoàn-Chí đem ba vạn quân sang đánh Trưng-Vương.

Trưng-Vương họp đình-thần, bày mưu thiết kế để địch cùng Mã-Viện.

Thánh-Thiên công-chúa đem quân giao-chiến với quân Hán ba, bốn phen, một tay chém non nghìn quân giặc, khiến Hán-binh phải lui sang vùng Mã-giang, biểu tấu về Hán-đế : « Nam-bang có nữ « tướng Thánh-Thiên dụng binh « như thần, trí dũng thiên-phương, « không sao phục được. Xin bệ-hạ « phái thêm ít tướng giỏi và tiếp « thêm binh-mã sang giúp sức ».

Vua Tàu cho tướng-sĩ sang ứng-cứu và mật truyền nên dùng mưu mà đánh mới có thể hàng được bên địch.

Phục-ba tướng-quân đóng quân ở Mã-giang, kiên binh cố-thủ thành-trì, giả sai một đạo quân từ Bảo-lạc (Cao-bằng) đến động Đại-man vùng Thập-lục-châu (Tuyên-quang), thanh-ngôn là Mã-viện đánh các đạo trên.

Trưng-vương tưởng thực, truyền Thánh-Thiên hỏa-tốc đem các tướng-sĩ lên cứu miền thượng-du, không phòng-bị miền dưới. Không ngờ chính Mã-viện hạ công mặt này, đánh thẳng ngay vào sào-huyệt,

Binh quý thần tốc. Trưng - vương không kịp đề-phòng, vội vàng đem quân ra cự-địch, xung đông đột tây, ra vào chém giết bao nhiêu tướng sĩ nhà Hán. Một mình đánh suốt ngày thâu đêm, sức đã kiệt, mà vẫn không sao hàng được quân giặc.

Thánh-Thiên ở miền thượng - du, được tin Trưng - vương đương ở trong tình-thế cấp - bách, bèn cải-trang phụ-nữ, ngồi trên con long-câu, đem binh kịp về giải nguy cho chủ. Tới thành Ai - châu, huyện Bạch-đầu, phủ Thiệu-thiên, thì gặp Trưng-vương bại trận cũng vừa tới nơi. Công - chúa dàn quân, ngăn cản quân Hán để Trưng vương lánh đi nơi khác. Hai bà Trưng-vương chạy về đến xã Hát - môn (nay thuộc huyện Phúc thọ tỉnh Sơn - tây), thế bức quá, bèn gieo mình xuống sông Hát giang (chỗ sông Đáy chảy vào sông Nhị-hà giữa ngày mồng 6 tháng hai năm Quý-mão (43).

Sau khi Trưng-vương đã lánh xa, Thánh-thiên một mình cầm-cự với quân Hán, còn chém được non trăm dũng-tướng bên địch. Nhưng quân Tàu mỗi lúc một đông, tứ diện giáp công, Thánh-Thiên đánh suốt ngày cho mãi đến khi mặt trời gác núi, sức đã mỏi, lực đã kiệt, quân đã tan vỡ, mới chịu thoái lui vào thành. Về đến thành, đã thấy cờ Hán cắm quanh trong ngoài mà nhìn lại chỉ còn hai trăm thủ-túc người xã Ngọc lâm, Thánh-Thiên nghe nhời tử-đệ, rút quân về thành Ngọc - lâm, cho quân sĩ nghỉ ngơi.

Trong khi cùng nhân-dân yến-ẩm, quân Hán kéo đến, vây bọc tứ-vi, rất nguy-cấp.

Thánh-Thiên cứ ung - dung thay y-phục, mặc xiêm mũ, phương-hài, trâm, thoa, sắp quân-sĩ, cưỡi ngựa ra trận. Một mình với hơn trăm dũng-sĩ xông phá trận - địa, phá trùng-vi, năm, sáu phen, chém Hán-tướng được trên mười người. Nhưng quân Hán rất đông, tuy chết hại rất nhiều mà số quân Tàu mỗi lúc kéo đến một lâm.

Thánh-Thiên công-chúa liệu sức « quả bất địch chúng », bèn vượt qua trùng - vi, chạy thẳng ra bờ sông Nhật-đức, phóng ngựa nhảy xuống giòng sông tuẫn-tiết. (1)

Từ đó, nước ta lại thuộc nhà Hán như cũ.

Dân xã Ngọc-lâm cảm việc thời-gian, nhớ ơn báo-quốc, thờ Thánh-Thiên công-chúa làm thành hoàng. Rồi từ nghìn xưa đến nghìn nay hương khói không rời. Dưới đây là đối-liễn sao ở đình xã Ngọc - lâm ngày nay thuộc phủ Lạng - giang tỉnh Bắc-giang :

I

Đông - hải chung anh, thiên vị Trưng-triều sinh nữ-tướng.
Bắc nhung chỉ phách, nhân ư Ngọc-chử ngưỡng thần-ưng.

Dịch

Linh-khí bể đông, trời giúp nhà Trưng sinh nữ-tướng.
Kinh hồn giặc bắc, người nơi bến Ngọc ngước thần-ưng.

II

Hộ quốc, tý dân, thành thái-tượng.
Điều nguyên, tán hóa, nghiễm khôn nghi.

Dịch

Hộ nước, yên dân, nên thịnh-trị
Giúp trời, đỡ việc, rõ bề trên.

III

Hữu công ư dân, chiêu vật, chiêu văn hợp kính.
Chi nguyên xưng mẫu, tự tề, tự mỹ, di huy.

Dịch

Đều là tôi con, vật-chất, văn-nghi thờ-phụng.
Đáng là đạo mẹ, đoan-trang, hòa-thuận tiếng-tăm.

IV

Đại-hào-kiệt, đại - anh - hùng, lực tán Trưng-vương, cổ-kiếm hàn ngưng Xương-thủy nguyệt.
Vi huân cao, vi thế thẳng, hồn tiêu Hán tặc, kim-hoàn hương dẫn Ngọc-lâm hoa.

Dịch

Thực hào-kiệt, thực anh - hùng. những khi giúp đỡ vua Trưng, mặt nước sông Thương, gươm báu giăng lồng còn lấp lánh.
Còn bảng-khuâng, còn phảng-phất, sau lúc đuổi tan giặc Hán, cành hoa bến Ngọc, vòng tay thơm nức hãy đâu đây,

V

Đỉnh xuất nhất lưu nhân, sinh vi tướng, tử vi thần, bất hủ huân-danh truyền nữ-sử.
Tổng thành thiên-cổ sự, thần ư Trưng, địch ư Hán, trường lưu miếu vũ trì tà dương.

Dịch

Bậc nhất trời sinh, sống làm tướng, chết làm thần, huân - nghiệp không mòn trong nữ-sử.
Nghìn xưa việc cũ, tôi nhà Trưng, đánh nhà Hán, miếu-đình còn lạ dưới tà-dương

VI

Lực tán Trưng-vương hùng-kiện kiếm
Trạch lưu Ngọc-chử lục-lý thoa.

Dịch

Công giúp vua Trưng, thanh bảo-kiếm ;
Ơn nhuần bến Ngọc, chiếc kim thoa.

VII

Cân quắc phong phi kinh Hán tặc.
Tinh kỳ nhật lệ tán Trưng-vương.

Dịch

Dải yếm gió bay tan Hán tặc.
Lá cờ trời mở giúp Trưng-vương

NHẬT-NHAM.

1) Tài-liệu bài này căn-cứ vào bản Thần tích của xã Ngọc - lâm, tỉnh Bắc-giang.

Kỳ thi Sơ-học yếu-lược sắp tới

Các giáo viên nên cho học trò luyện thêm ở quyển

TẬP BÀI THI BẰNG SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC

của hai ông : Dương-quảng-Hàm và Dương-lụ-Quán

mới in lại lần thứ 8, giá 0p 55 — cước 0p 09

Đề cho Đông-tây thư quán, 195 hàng Bông, Hanoi

Truyện ngắn

HAI NỮ-TƯỚNG

SONG-CỐI

TỪ cuối năm ngoái, chỗ lan bạch-ngọc nhà ông Minh ở miền Đông đã trổ hai rò hoa mịn-màng thanh-nhã. Cho là một điềm tốt-lành, ông Minh vui mừng quá.. Vì đã từ lâu, ông chăm-nom bón tưới cho chỗ lan ấy rất công phu, mãi nay mới thấy nó mang lại cho ông những đóa hoa màu ngà, phớt xanh, thoang-thoảng thơm dịu. Ông nghĩ thầm : hai cô con gái nhà mình — Nguyệt-Thai và Nguyệt Độ — thấm - thoát nay đã mười tám cả rồi, không nhẽ cứ giữ ở nhà được mãi. Cái điềm hoa lan tốt lành này có nhẽ ứng vào việc đôi chị em song - sinh nó sắp đẹp duyên.

Điềm ấy nay quả đã ứng.

Trong nhà ông Minh hôm nay, quang-cảnh khác hẳn ngày thường Các bà-con, bạn-hữu trong làng tấp-nập kéo đến. Cả từ những người quen-thuộc ở hàng sách, hàng trại cũng niềm nở đến theo nhời mời của ông bà Minh.

Dưới những lượt «bột» mưa xuân đang «rây» trên mặt cót ở nóc rạp bình-thiên dựng giữa sân, bà con, người nào việc nấy, rộn - ràng giã giò, thái bì làm nem, têm trầu, bổ cau hoặc gói bánh.

Họ, với giọng vui-vẻ, vừa làm vừa khôi-hài :

— Tháng này chúng ta được ăn cỗ cô Thai. Công việc xong, ta đừng dỡ rạp vội. Ông bà Minh có hỏi, ta cứ bảo để rồi còn đến lượt cô Độ nữa... tháng sau nữa... còn cỗ nữa. . kia mà !

— Phải đấy, hết tiệc này đến tiệc khác, chúng ta cứ thung-thăng cho đến khi « khoai sọ ba lá » !

Một bà già đang ngồi têm trầu gần đấy, xen :

— Trước tôi cứ ngỡ cô Thai lấy ai, chứ cậu Long ấy, tôi cũng biết : người xinh giai, lại giỏi ngón bắn cung, cưỡi ngựa lắm đấy ! ...

Một bà khác, ngừng tay đang tiện dở cái chũm cau, cũng nghếch lên nói góp :

— Thế thì tốt đôi nhỉ ! Cô Thai nhà ta cũng giỏi võ lắm! Những lúc thằng Cu nhà tôi nó quấy, tôi cứ phải ẵm nó sang đây, bảo cô Thai đi chơi một bài đại - đao cho nó xem thì nó lại nín...

Tiếng người nói chuyện, tiếng dao thớt lách cách và tiếng chày cối chí-chát nòa thành một cuộc náo nhiệt ồ-ạt và vui-vui.

Trên mái cót, mưa xuân càng lâu càng thêm nặng hột như nhịp-nhàng thúc-giục tăng thêm cái nhiệt - độ vui mừng của nhà đám.

◆

Từ ông bà Minh đến các bà con, ai nấy kinh-hoàng thất sắc.

Kẻ đang uống rượu vội quăng cả chén xuống, Người đang và cơm cũng ném đũa đứng dậy. Người ta bối-rối vì thấy linh-tráng, tay đoản đao, tay mã-tấu sáng quắc, sầm-sập kéo vào tận nhà. Chúng, mặt hầm-hầm, mắt trừng - trợn, ậm-oẹ quát thét :

— Bắt lấy nó, đóng cũi đem nộp !

Tên linh khác lại thêm :

— Mau mau, kẻo nó trốn mất !

Ông Minh bấy giờ đã định thần, không thấy sợ nữa, ung - dung hỏi viên đô-úy ;

— Chẳng hay nhà chúng tôi có tội-tình gì ?

Viên đô-úy, với vẻ mặt lạnh-lùng và trân-trân, trố mắt nhìn chủ-nhân, rồi rút đưa ra cái trát của viên lệnh - doãn. Trong khi ông Minh đang dõi theo những giòng chữ như nhảy múa trên trang giấy bản có đóng dấu vuông đỏ chóe, thì mấy tên linh huyện đã điệu cô Nguyệt-Thai đến bên cái cũi đặt ở gần đấy, mở cửa cũi, đẩy giúi vào.

Cô buồn-rầu nhưng rất bình-tĩnh ; cô nghiến răng căm giận, nhưng không hé ra nửa tiếng sụt - sịt hay kêu-than...

Mái tóc rũ-rượi, cô Thai co ro trong chiếc cũi do hai tên linh nghễu-nghện khênh đi.

Không nén được mối thương cảm, bà Minh lướt mướt kêu-khóc, níu lấy cái cũi, gắng kéo lại...

Tụi linh chẳng hề động tâm trước tấn thảm - kịch ấy. Chúng

Vient de paraitre

CENT REDACTIONS

AU CERTIFICAT D'ÉTUDES PRIMAIRES COMPLEMENTAIRES INDOCHINOISES

par

TRẦN-HUY-CƠ et NGUYỄN-HUY-HOÀNG

Instituteurs

Livre indispensable aux candidats au Certificat d'études

Prix 0$65. Port 0 09 *Éditions ĐÔNG-TÂY, 195 rue du Coton Hanoi*

xúm đến, hùng hổ lôi bà Minh ra, rồi đẩy mạnh trở lại, làm bà ngã huỵch một cái xuống rãnh ở bên ngõ xóm.

Bà vừa khóc, vừa kêu trời, khiến cho cô Thai ngồi trong cũi như muốn đứt từng khúc ruột !

Ông Minh quay về nhà, không sao ngăn được nỗi-niềm đau thương vì tiệc cưới đang vui mừng, đột nhiên biến thành một cảnh thảm-thê như mới qua một cơn « giặc pha » hay « nhà cháy ».

Một vài người thân trong họ xúm lại bên ông, hỏi duyên-cớ. Ông thở dài :

— Không biết đứa nào nó vu cho con tôi tùng đảng với Đặng Thi-Sách, nên viên lệnh-doãn ở đây mới hạ trát bắt !... Khốn-nạn, con tôi mới ngần ấy tuổi đầu đã làm gì nên tội !

◆

Những người làng ngồi trong quán chạ sáng nay vừa uống nước chè tươi vừa bàn tán về bài hịch-văn của chị em bà Trưng-Trắc. Người nói bài hịch ấy văn già, lời rất lâm ly thống thiết ; người nói giọng văn ấy hùng, có lẽ ra từ ngòi bút của cô Nguyệt Độ. Có kẻ lại cao hứng, vanh-vách đọc lên mấy câu, nhưng một ông già ngồi bên đưa mắt tỏ ý gạt đi dường sợ tai vách mách rừng. Rồi người ta thì-thầm :

— Cho chú Tô-Định thế mới đáng kiếp ! Không khéo chuyến này đến cung không đem được xác về đất Đông-Hán nhà nó !

— Thêm lão lệnh-doãn ở đây lại phường nổi giáo cho giặc ! Nghe đâu lão nhận làm con nuôi chú Tô, rồi cậy thế cậy thần, làm lắm điều tàn-ác quá-quắt !

Một người trong họ ông Minh nghe đến câu ấy, bất giác nổi trận bất bình, nói toạc với mọi người ngồi đấy :

— Khốn-nạn ! con cháu Thai nhà chú nó nhà tôi chỉ vì cái lão lệnh-doãn ấy mà nên nỗi đấy ! Nguyên từ hồi đầu năm ngoái, lão cứ lăn-lóc hỏi con cháu làm vợ lẽ, nhưng cháu nó không thuận. Tưởng thế rồi thôi, ai ngờ đến giạo. mới rồi có cuộc âm-mưu ở huyện Châu-diên, lão liền gieo vạ cho con cháu Thai có dinh-dáng đến vụ Thi-Sách. Vì thế cháu nó mới phải bắt giam từ hồi tháng giêng đến giờ.

Một bà già, đặt phịch bát nước xuống mặt chõng nhà hàng, tỏ vẻ ái-ngại :

Tội nghiệp, cô ấy đến hôm sau thì cưới ! Ai đời giữa lúc bà-con họ mạc đang ăn uống vui-vẻ, bỗng-dưng cô dâu bị bắt điệu đi, thì còn cưới *mấy* xin gì nữa !

Một ông khác băn-khoăn :

Chẳng biết từ hôm ấy đến giờ, ông bà Minh và cô Độ đi trốn đâu mất rồi ấy !... Hôm nọ thấy quan về tịch biên rồi sung công hết cả gia-sản đấy.

— Nghe nói cô Thai, sau khi huyện lấy khẩu-cung rồi, liền bị giải lên châu-trị Giao-chỉ từ đầu tháng hai này.

Án ấy rồi kết cục ra sao, chắc còn phải đợi Thái-thú Giao-chỉ xét xử...

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1) Lý triều văn học
2) Trần triều văn học I
3) Trần triều văn học II
4) Lê triều văn học I
5) Lê triều văn học II
6) Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.
Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên.
Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên.
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:
Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00 }

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả :
Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15p. 00 }

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :
Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p 00 }

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi xuất bản

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng ;

Loại giấy thường bán từ : 10p.00 trở lên
Loại giấy đặc biệt bán từ : 30p.00 trở lên

thêm 2p.00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả.
Loại giấy thường 7p,0 } tiền cước gửi
Loại đặc biệt 12p.0o }

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả.
Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92
Loại đặc biệt 13p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi,
Loại giấy thường 1p.00 } cả tiền cước
Loại đặc biệt 3p.00 }

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

là nhà đã nhận xuất-bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ

— Xét *mấy* xử gì, cái lão Tô ấy ! Hắn chỉ gái đẹp *mấy* hạt châu là êm cả ! Nhưng... bây giờ nghe đâu bà Trưng sắp đánh dốc đến châu-trị Giao-chỉ rồi, thì hắn còn xét gì nữa ?

◆

Nguyệt Thai, từ ngày bị giải lên châu trị, cứ mỗi lần chậm tiền là lại bị tên ngục-lại đem cùm hạng nặng ra cùm.

Ban đêm, cứ mỗi lần cô cựa mình thì hai cổ chân lại nhức nhối, đau chói. Cô đành nằm thu hình như con sâu sợ rét, không dam ruỗi ra, co vào. Cô tuy khỏe mạnh và là một tay giỏi võ, nhưng nay khác nào cọp dữ sa cạm, không còn « nói hay » được nữa. Cô đang phân vân về nỗi đã đến nửa tháng nay, Phi-Long, vị hôn phu, chưa thấy vận-động gì cho cô cả ! Cô nghĩ bụng không khéo chồng cô lại vì cớ cô mà liên lụy rồi chăng, nên bấy nay cô nóng lòng mong đợi mà chẳng thấy âm tín gì hết.

Bấy giờ vào dầu trống canh hai, cô, sau những cơn đau đẳng buồn-bực, bất giác nằm vật xuống, thiêm thiếp ngủ...

Bỗng có tiếng giựt giọng gọi dậy, cô, trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn dầu lạc lù mờ từ tay tên ngục-lại chiếu ra, nhận được chiếc bánh chưng của vị hôn phu đã khéo đút lót mà gửi được chót lọt đến tay.

Lần này cũng như mấy lần khác, tên ngục-lại, vì mới được tiền, đã đổi lại thái độ, đối đãi cô bằng cách rất vồn vã và biết điều. Hắn sẽ sàng tháo cùm cho cô và để cho nằm ngồi co ruỗi tùy ý, chứ không phải khó thở như vừa nãy nữa.

Đón lấy chiếc bánh chưng, tâm linh cô dường như báo trước trong nhân chiếc bánh này chắc có một vật gì đây, nó rất hệ trọng, hệ trọng không thể tả được... Nhưng trước mặt tên ngục-lại bấy giờ, cô làm như lơ đễnh không để ý ảm đến chiếc bánh ấy...

Tháng hai mùa xuân năm Canh-tí.

Một đêm mưa phùn, gió lạnh. Sau mấy tiếng pháo lệnh đùng nổ ở phía cửa đông châu trị, thì trong thành cũng như ngoài thành, tiếng la-ó và hò reo vang động một góc trời đang chìm trong bóng tối. Sát-khí âm-u như cuốn người ta vào cảnh địa ngục thẳm sâu. Một trận hỗn chiến vừa tan thì trời đã tảng sáng. Cửa thành toang mở. Bà Trưng-Trắc, cùng em, bà Trưng-Nhị, lẫm liệt ngồi trên mình hai thớt voi, đường hoàng kéo quân vào trong châu-trị Giao chỉ. Bên lá cờ thêu chữ « Trưng » lớn, người ta nhận thấy nữ tướng quân Nguyệt-Độ, lưng đeo cung, sườn buông kiếm, dõng dạc chỉ huy cho quân-sĩ tiến có trật-tự.

Việc đầu tiên của bà Trưng khi mới vào châu trị là không quên ủy-lạo Nguyệt-Thai đã làm nội-ứng trong trận hạ Giao-chỉ này.

SONG-CỐI

Thân-thế và sự-nghiệp

Tiếp theo trang 4

Sử-gia Ch. Patris cho là từ năm Canh-tý (40) đến năm Giáp-thìn (44).

Chúng tôi đã theo thuyết trên nghĩa là từ Kỷ-hợi (39) đến Quý-mão (43).

Hoàng Việt âm-dương đối-lịch của ông Cordier và Lê-đức-Hoạt soạn, nhà in Châu-phương, trang 5 cũng chép : Trưng-Vương và em gái là Trưng-Nhị làm vua từ năm Canh-tý (40) đến Quý-mão (43).

15· Thuyết huyền-bí này chép ở *Thần tích* xã Hạ-lôi.

16· Bài khảo này chúng tôi đã căn-cứ vào các sử-liệu hiện có như *các sách của sử-gia* Maspéro, Patris, Launay, các tài-liệu ở trường Viễn-đông bác-cổ, bi-ký ở miếu Hát-giang, bia đền Hai Bà do cụ Đốc-học Dương-duy Thanh soạn năm Tự-đức nguyên niên (1888), *Thần-tích* xã Đồng-nhân, *Trưng-vương lịch-sử* của cụ Hoàng Cúc Hương, các sách Tầu như *Sử-ký Tư-mã-Thiên*, *Mã-Viện truyện*, *Annam chí-lược* v. v. cùng các điều đã được nghe thấy trong khi đi thăm đền, miếu thờ hai Bà Trưng. Nhưng nếu còn có chỗ nào sơ-sót, mong độc-giả bổ cứu thêm và đính-chính cho thì thật là một sự may cho sử-học.

17· Miếu thờ hai bà Trưng hay là « miếu Hát » ở làng Hát-môn, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây, miếu làm trong đê, trông ra sông Hát-giang. Tác-giả đã đến tận nơi cung chiêm miếu này, nhằm ngày 21-12-1940.

Miếu này đã ghi vào sổ trường Viễn-đông Bác-cổ. Gặp lụt vừa rồi, nước vào cũng có nhiều chỗ hư nát, nhưng tiếc thay các kỳ lão và chức-dịch không thấy khai trình lên quan trên để xin tu-bổ lại.

TIỀN-ĐÀM

Mới xuất bản

MANUEL
de
CONVERSATION
en français et Annamite
của
MỄ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p.20, cước thường 0p 06 gửi bằng tem (có) cũng được cho hiệu
ĐÔNG-TÂY
195, phố hàng Bông Hanoi

NHÀ XUẤT BẢN

MAI-LINH

Rue des Pipes Hanoi

Mới in xong

LÃO-TỬ

Một quyển sách

rất có giá trị

Giá 0$30

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC-PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tin nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1· Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư: di tinh, mộng tinh khí hư

2· Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3· Thuốc bo tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa *chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em*

4· Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến. 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi hiệu Đức-Hưng- ường 437 Ngã-tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu . Mai Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiên 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi, Vu-văn-Kích Avenue Aristide-Briqan Boite postales N· 62 PhnomPenh.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA ĐÌNH Y DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Imp spé sis d Tri Tà

Administrat gr-gérant: D ang Tu-O